



DANH MỤC TÀI LIỆU TIẾNG ANH

Danh mục bao gồm các tài liệu về **Tiếng anh cơ bản, Toeic, PreToeic, IELTS,...** Bạn đọc có thể tham khảo những tài liệu này tại Phòng đọc chuyên ngành 402

STT	TÊN TÀI LIỆU
1	100 bài luận mẫu Anh ngữ = English - essays / Phạm Cao Hoàn dịch và chú giải PE1471 .M458t 1999
2	100 bài luyện dịch Việt - Anh = Vietnamese - English translationsb : Tuyển dịch một số bài trong quốc văn giáo khoa thư. Tục ngữ Việt Anh thông dụng nhất / Võ Liêm An, Võ Liêm Anh PE1498 .V550A 1995
3	100 tình huống giao tiếp tiếng Anh hiện đại : 4500 câu giao tiếp tiếng Anh, học kèm 4 băng cassette / Ninh Hùng PE1131 .N312H 1995
4	101 helpful hints for IELTS : academic module / Garry Adams, Terry Peck; Lê Hiền Thảo, Nguyễn Văn Phước chú giải; Ban biên dịch First News PE1128 .A102G 2002
5	109 câu phỏng vấn tiếng Anh thường gặp nhất : Song ngữ Anh - Việt / Đinh Kim Quốc Bảo PE1131 .Đ312B 2004
6	12.000 câu đàm thoại Anh- Việt mọi tình huống Tập 1/ Quốc Bảo, Minh Đức PE1128 .NG527D T.1 2006
7	120 Bài luận mẫu mới nhất = 120 Model Essays for upper primary students / Phan Hiền dịch PE1471 .M467t 1994
8	151 english essays = 151 Bài luận tiếng Anh / S. Srinivasan; Shanker B. A biên tập ; dịch và chú giải: Ninh Hùng PE1471 .S312S 1994
9	154 tình huống giao tiếp tiếng Anh dành cho người đi học nước ngoài : Có kèm đĩa / Nguyễn Thị Tuyết biên dịch và Ban biên tập Infor Stream PE1131 .M458t 2003
10	170 bài luận tiếng Anh mới nhất = 170 more english essays / Phan Anh Hiền biên soạn PE1471 .M458t 1995
11	200 bài luận Tiếng Anh : Luyện thi chứng chỉ A-B-C quốc gia / Đặng Kim Thi dịch PE1471 .H103t 1995
12	202 Useful Exercises for IELTS / Garry Adam, Terry Peck; Lê Hiền Thảo, Nguyễn Văn Phước hiệu đính; Ban biên dịch First News PE1128 .A102G 2003
13	210 đề điền khuyết (cloze tests) môn tiếng Anh : Luyện thi chứng chỉ A, B, C - Tú tài - Tuyển sinh đại học / Nguyễn Tấn Lực PE1128 .NG527L 2003
14	222 mẫu thư tiếng anh cho mọi trường hợp = 222 model letter for all occasions / Abraham Sung; Người dịch: Kim Tiến PE1497 .GI-sV 2013
15	25 mẫu câu tiếng Anh thực hành giao tiếp = English verb pattern / Chu Xuân Nguyên

	PE1375 .Ch500n 1993
16	28 bài học căn bản tiếng Anh công nghệ thông tin= 28 basic lessons for information technology English / Quang Minh
	PE1127 .QU106M 2004
17	326 Selected Essays & Writings for all Purposes, Topics & Levels : Tuyển tập các bài luận sơ cấp, trung cấp và nâng cao / S. Srinivasan; Ban biên dịch First News
	PE1471 .S312S 1997
18	3500 câu hội thoại Anh-Việt mọi tình huống / Viên Quân
	PE1131 .V305Q 1996
19	3500 câu hội thoại Anh-Việt mọi tình huống : Kèm theo băng Cassette / Viên Quân
	PE1131 .V305Q 1993
20	360 động từ bất quy tắc và cách dùng các thì trong tiếng Anh / Trần Minh Đức
	PE1101 .TR121Đ 2000
21	39 tình huống giao tiếp tiếng Anh qua điện thoại : Có kèm đĩa / Infor Stream biên tập ; Nguyễn Thị Tuyết dịch
	PE1131 .B100m 2003
22	410 - Tuyển tập những bài luận tiếng Anh : Student's book (Elementary, Intermediate, Advanced) / Ban biên dịch Interaction
	PE1471 .B454t 1998
23	410 selection of english essays = Tuyển tập những bài luận tiếng Anh / Biên dịch: Trần Công Nhân, Lê Trần Doanh Trang
	PE1471 .F435h 1998
24	45 bộ đề thi trắc nghiệm luyện thi chứng chỉ Q/G tiếng Anh trình độ A / Nguyễn Trùng Khánh
	PE1128 .NG527K 2004
25	45 bộ đề thi trắc nghiệm luyện thi chứng chỉ Q/G tiếng Anh trình độ B / Nguyễn Trùng Khánh
	PE1128 .NG527K 2004
26	556 essays and writings : Tuyển tập các bài luận mới Sơ cấp, trung cấp và nâng cao / Fernando, Rajamanikam; Edited by V. Navaratnam; Nhóm First New dịch
	PE1471 .F206 1997
27	57 bài luận Anh văn : 57 English Composition B and C level / Trần Văn Diệm
	PE1471 .TR121D 1997
28	57 bài luận Anh văn = 57 english compositions for B and C levels / Trần Văn Diệm biên soạn
	PE1471 .N114m 1997
29	6000 câu giao tiếp tiếng Anh / Phạm Xuân Thảo biên soạn
	PE1131 .S111N 2000
30	75 arguments : an anthology / [edited by] Alan Ainsworth.
	PE1417 .S207F 2008
31	75 readings : an anthology / [edited by] Santi Buscemi, Charlotte Smith.
	PE1417 .S207F 2004
32	75 readings plus / [edited by] Santi Buscemi, Charlotte Smith.
	PE1417 .S207F 1998
33	90 mẫu phỏng vấn và đơn xin việc Anh - Việt : Các ngành kinh doanh và tài chính / Minh Đạo
	PE1479 .M312Đ 2004
34	9000 câu đàm thoại trong tiếng Anh : Học kèm theo băng Cassete / Quang Minh, Thu Thảo
	PE1128 .QU106M 2002

35	990 mẫu giao tiếp tiếng anh thông dụng 1 : 319 thành ngữ thường gặp / Trịnh Thanh Toàn; Ban biên soạn Trí tuệ.
	PE1131 .TR312T 2008
36	Bài luyện thi đặt câu môn tiếng Anh = Sentence Building / Phạm Tấn Trước, Tôn Nữ Giáng Huyền
	PE1375 .PH104T 2000
37	Bài tập biến đổi câu tiếng Anh : 50 Bài trình độ B, 50 bài trình độ C / Xuân Bá
	PE1375 .X502B 2000
38	Bài tập cụm động từ tiếng Anh / Xuân Bá
	PE1271 .X502B 2000
39	Bài tập đặt câu tiếng Anh : 40 bài trình độ A; 40 bài trình độ B; 40 bài trình độ C / Xuân Bá
	PE1375 .X502B 2000
40	Bài tập đọc hiểu tiếng Anh / Xuân Bá
	PE1128 .X502B 2000
41	Bài tập đồng nghĩa, phản nghĩa và từ đúng, từ sai tiếng Anh / Xuân Bá
	PE1591 .X502B 2002
42	Bài tập hoàn tất câu tiếng Anh = Sentence Completion / Nguyễn Tấn Lực
	PE1375 .NG527L 2002
43	Bài tập luyện viết tiếng Anh / Xuân Bá
	PE1128 .X502B 2002
44	Bài tập ngữ pháp tiếng Anh / Xuân Bá
	PE1114 .X502B 2002
45	Bài tập trắc nghiệm tiếng Anh : trình độ C / Xuân Bá
	PE1128 .X502B 2000
46	Bài tập văn phạm Anh ngữ : Có phần bài giải để dùng kèm với cuốn Văn phạm Anh ngữ thực hành" / Trần Văn Điền"
	PE1114 .TR121Đ 1990
47	Bộ bài tập luyện thi tiếng Anh : Từ vựng - Ngữ pháp - Đọc viết / Lê Văn Sự
	PE1114 .L250S 2001
48	Các bài luận chọn lọc / Milon Nandy; Đỗ Lệ Hằng dịch
	PE1471 .M302N 1995
49	Các bài luận chọn lọc / Milon Nandy; Đỗ Lệ Hằng dịch
	PE1471 .M302N 1995
50	Các bài luận chọn lọc = Model essays letters and dialogues with imfortant notes on essays writing / Milon Nandy ; Dịch và chú giải : Đỗ Lệ Hằng
	PE1471 .N105M 1995
51	Các bài luận tiếng Anh / Xuân Bá
	PE1471 .X502B 2001
52	Các loại hình thi và kiểm tra tiếng Anh / Nguyễn Quốc Hùng
	PE1128 .NG527H 1990
53	Các mẫu thư giao dịch và E-mail : Tiếng Anh / Shirley Taylor; Nhân Văn biên dịch
	PE1497 .T112S 2004
54	Các thì và giới từ tiếng Anh. Tập 1, Các thì / Trần Bá Sơn
	PE1335 .TR121S T.1-2002
55	Cách dùng các thì Anh ngữ : Giải nghĩa tường tận về cách chia và dùng các thì, kèm theo những bài thực tập hợp mọi trình độ và phần bài giải / Trần Văn Điền
	PE1301 .TR121Đ 1999
56	Cách dùng giới từ Anh ngữ = The use of Prepositions in English / Trần Văn Điền
	PE1335 .TR121Đ 1993

57	Cách dùng thành ngữ Anh và Mỹ thông dụng - hiện đại : Phiên âm quốc tế mới = How to use American English idioms / Nguyễn Trùng Khánh biên soạn
	PE1460 .C102d 2001
58	Cách dùng từ đồng nghĩa tiếng Anh / Biên dịch và biên soạn : Lê Thu Hằng, Mai Huy Tân, Nguyễn Hồng Thanh
	PE1591 .C102d 1990
59	Cách trả lời phỏng vấn tiếng Anh = How to succeed in a job interview / Mai Khắc Hải
	PE1131 .M103H 1995
60	Cách viết thư và báo cáo bằng tiếng Anh
	PE1497 .C102v 1990
61	Cẩm nang cách dùng và sự phối hợp các thì tiếng Anh = A Handbook of the Usage and the Sequence of tenses in English / Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Thanh Chương
	PE1301 .NG527K 2000
62	Cẩm nang phiên dịch & đàm thoại Việt Anh / Nguyễn Trùng Khánh cùng nhóm cộng tác
	PE539 .NG527K 2000
63	Cẩm nang sử dụng các thì tiếng Anh = The key to English tenses / Hoàng Xuân Minh, Trần Văn Đức
	PE1301 .H407M 2004
64	Cẩm nang sử dụng giới từ tiếng Anh = The key to English Preposition / Hoàng Xuân Minh, Trần Văn Đức
	PE1335 .H407M 2004
65	Cẩm nang thành ngữ tiếng Anh : Trong dịch thuật / Nguyễn Bá Kim
	PE1464 .NG527K 1999
66	Cambridge Certificate in Advanced English : Teacher's book, T.3 : 2001.- 84 tr.
	PE1114 .C104c V.3 2001
67	Cambridge Certificate in Advanced English : Teacher's book, T.5 : 2003.- 89 tr.
	PE1114 .C104c V.5 2003
68	Cambridge Certificate in Advanced English : Teacher's book. T.3
	PE1114 .C104c T.3-1999
69	Cambridge Certificate in Advanced English : Teacher's book. Tập 4
	PE1114 .C104c T.4-1999
70	Cambridge Certificate in Advanced English : Teacher's book. Tập 5
	PE1114 .C104c T.5-1999
71	Cambridge Certificate in Advanced English : With answers, T.3 : 2003.- 152 tr. + 2 cassettes
	PE1114 .C104c V.3 2003
72	Cambridge Certificate in Advanced English : With answers, T.4 : 2004.- 151 tr. + 1 CD + 2 cassettes
	PE1114 .C104c V.4 2004
73	Cambridge Certificate in Advanced English 5 : With answers: Examination papers from University of Cambridge ESOL examinations English for speakers of other languages
	PE1112 .C104C 2003
74	Cambridge Certificate of Proficiency in English : Student's book with answers. Tập 2
	PE1114 .C104c T.2-2004
75	Cambridge Certificate of Proficiency in English : Teacher's book, T.1 : 2004.- 111 tr.
	PE1114 .C104c V.1 2004
76	Cambridge Certificate of Proficiency in English : Teacher's book. Tập 1
	PE1114 .C104c T.1-2004

77	Cambridge Certificate of Proficiency in English : With answers, T.1 : 2003.- 166 tr. + 2 cassettes + 1 CD
	PE1114 .C104c V.1 2003
78	Cambridge Certificate of Proficiency in English : With answers. Tập 1
	PE1114 .C104c T.1-2004
79	Cambridge Certificate of Proficiency in English : with answers. Tập 3
	PE1114 .C104c T.3-2004
80	Cambridge Certificate of Proficiency in English : with answers. Tập 4
	PE1114 .C104c T.4-2004
81	Cambridge English for engineering / Mark Ibbotson.
	PE1128 .I-301M 2008
82	Cambridge English for schools : Teacher's book. Vol.4 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1065 .L314A V.4-2002
83	Cambridge English for Schools : Test four / Patricia Aspinall, George Bethell
	PE1065 .A109p 2001
84	Cambridge English for schools : Workbook. Tập 4 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1128 .L314A T.4-2002
85	Cambridge English Worldwide : Listening and speaking pack. Tập 5 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1128 .L314A T.5-2000
86	Cambridge English Worldwide : Student's book four / Andrew LittleJohn, Diana Hicks
	PE1065 .L314A 2004
87	Cambridge English Worldwide : Student's book. Tập 5 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1128 .L314A T.5-2002
88	Cambridge English Worldwide : Teacher's book / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1065 .L314A 2002
89	Cambridge English Worldwide : Teacher's book, T.5 : 2002.- 95 tr. + 1 cassette / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1114 .C104e V.5 2002
90	Cambridge English Worldwide : Teacher's book. Tập 5 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1128 .L314A T.5-2002
91	Cambridge English Worldwide : Work book. Tập 4 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1128 .L314A T.4-2004
92	Cambridge English Worldwide : Work book. Tập 5 / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1128 .L314A T.5-2001
93	Cambridge English Worldwide : Workbook, T.4 : 2004.- 48 tr. / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1114 .C104e V.4 2004
94	Cambridge English Worldwide : Workbook, T.5 : 2001.- 47 tr. / Andrew Littlejohn, Diana Hicks
	PE1130 .C104e V.5 2001
95	Cambridge First Certificate Writing / Richard McAndrew, Cathy Lawday
	PE1128 .M105R 2002
96	Cambridge First Certificate Writing : Teacher's book / Richard MacAndrew, Cathy Lawday
	PE1408 .M101R 2002

97	Cambridge IELTS : Examination paper from the university of cambridge local examinations syndicate. Vol.2
	PE1128 .C104-i V.2-2000
98	Cambridge IELTS : Examination papers from university of cambridge ESOL examinations: English for speakers of other languages. Vol 4
	PE1128 .C104-i V.4-2005
99	Cambridge IELTS : With answers edition. Vol.2
	PE1128 .C104-i V.2-2000
100	Cambridge IELTS Intensive training Listening : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2015
101	Cambridge IELTS Intensive training Listening : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2018
102	Cambridge IELTS Intensive training Reading : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2015
103	Cambridge IELTS Intensive training Reading : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2019
104	Cambridge IELTS Intensive training speaking : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2015
105	Cambridge IELTS Intensive training Writing : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2015
106	Cambridge IELTS Intensive training Writing : Foreign language teaching & research press
	PE1128 .C104-i 2015
107	Cambridge IELTS Practice tests / Mark Griffiths
	PE1128 .G302M 2018
108	Cambridge international dictionary of idioms.
	PE1460 .C104-i 1998
109	Cambridge Key English Test : Teacher's book. Tập 3
	PE1128 .C104k T.3-2003
110	Cambridge Key English Test : With answers, T.3 : 2004.- 128 tr. + 1 cassette
	PE1114 .C104k V.3 2004
111	Cambridge Key English Test : With answers. Tập 3
	PE1128 .C104k T.3-2003
112	Cambridge Preparation for the TOEFL Test / Jolene Gear, Robert Gear
	PE1128 .G200J 2004
113	Cambridge Preparation for the TOEFL Test / Jolene Gear, Robert Gear; Thoại Uyên, Lê Ngọc Phương Anh, Ban biên dịch First News biên dịch và chú giải
	PE1128 .G200J 2002
114	Căn bản tiếng Anh trong tin học / Tạ Văn Hùng
	PE1127 .T100H 1995
115	Cấu tạo từ tiếng Anh= Word Formation / Nguyễn Thành Yến dịch và chú giải
	PE1175 .C125t 1997
116	Câu trong giao tiếp Việt - Anh. Tập 1, Những câu giao tiếp thông thường / Bùi Ý
	PE1131 .B510Y T.1-1989

117	Câu trong giao tiếp Việt - Anh. Tập 2, Những tình huống trong đời sống hàng ngày / Bùi Ý
	PE1131 .B510Y T.2-1989
118	Caught reading : Assessment Manual / Sharon Cook, Kathie Babigian.
	PE1126 .C433S 2009
119	Caught reading : Teacher's manual / Teri Swanson.
	PE1126 .S107T 2009
120	Cause & Effect : Intermediate Reading Practice / Patricia Ackert; Châu Văn Thuận dịch và chú giải
	PE1128 .A102P 1997
121	Check your vocabulary for english for the IELTS examination : a workbook for students / Rawdon Wyatt ; Chú giải: Lê Hiền Thảo, Nguyễn Văn Phước
	PE1449 .W600R 2002
122	Cliffs Test Prep (TM) TOEFL CBT / Michael A. Pyle; Lê Hiền Thảo, Nguyễn Văn Phước, Ban biên dịch First News chú giải
	PE1128 .P601M 2001
123	College writing skills / John Langan.
	PE1471 .L106J 2004
124	College writing skills with readings / John Langan
	PE1408 .L106J 2001
125	College Writing Skills with Readings / John Langan
	PE1471 .L106J 1997
126	College writing skills, media edition / John Langan
	PE1408 .L106J 2003
127	College writing skills, with readings / John Langan.
	PE1408 .L106J 2005
128	Collins cambridge English First : First (FCE) : Four practice tests for cambridge English : English for Exam
	PE1128 .C428c 2014
129	Collins cambridge English Key : Key (KET) : Four practice tests for cambridge English : English for Exam
	PE1128 .C428c 2014
130	Collins cambridge English Preliminary : Preliminary (PET) : Four practice tests for cambridge English : English for Exam
	PE1128 .C428c 2014
131	Collins Cobuild IELTS Dictionary : The source of authentic English
	PE1128 .C428c 2015
132	Collins EAP Writing : Learn to write better academic essays / Els Van Geyte
	PE1408 .G207E 2015
133	Collins easy learning English conversation : Pioneers in dictionary publishing. Book 1
	PE1131 .C428 T.1-2014
134	Collins Small talk : English for business : Build better business relationships through successful conversations / Deborah Capras
	PE1131 .C109D 2015
135	Collins work on your grammar. Intermediate (B1).
	PE1112 .W434-o 2013
136	Collins work on your grammar. Upper intermediate (B2).
	PE1112 .O428W 2013
137	Collins work on your vocabulary. Upper intermediate (B2).
	PE1112 .C428w 2013

138	Communicating in Business / John L. Boland
	PE1127 .B428J 1975
139	Communicating Technical Information : A Guide to Current Uses and Abuses in Scientific and Engineering Writing / Robert R. Rathbone
	PE1478 .R110R 1966
140	Communities of supportive professionals / edited by Tim Murphey and Kazuyoshi Sato.
	PE1128 .C429-o 2005
141	Compact preliminary for schools, Student's book without answers / Sue Elliot, Amanda Thomas.
	PE1128 .E201S 2013
142	Compact preliminary for schools, Teacher's book / Sue Elliot, Amanda Thomas.
	PE1128 .E201S 2013
143	Compact preliminary for schools, Workbook without answers / Sue Elliot, Amanda Thomas.
	PE1128 .E201S 2013
144	Compact preliminary for schools, Workbook without answers / Sue Elliot, Amanda Thomas.
	PE1128 .E201S 2013
145	Complete english essay course = Luận Anh văn / Trần Văn Điền
	PE1471 .TR121Đ 1996
146	Complete IELTS bands 4-5 : student's book with answers / Guy Brook-Hart and Vanessa Jakeman.
	PE1128 .B433G 2012
147	Complete IELTS. Bands 4-5 / Guy Brook-Hart and Vanessa Jakeman.
	PE1128 .B433G 2012
148	Complete IELTS. Bands 4-5 [B1] / Guy Brook-Hart and Vanessa Jakeman.
	PE1114 .B433G 2012
149	Concepts and comment / Patricia Ackert.
	PE1128 .A102P 1986
150	Concepts and comments : A reader for students of english as a second language / Patricia Achert, Anne L. Nebel
	PE1128 .A102P 2000
151	Concepts and comments : a reader for students of English as a second language / Patricia Ackert ; [illustrations by Patricia Phelan Eisenberg].
	PE1128 .A102P 1986
152	Conposition and Grammar 12 : Steps in the writing process / Mari Jorie Farmer...[et al.]
	PE1408 .C431a 1985
153	Contemporary english. Workbook 2 / Richard Firsten, Gerry Strei
	PE1065 .F313R W.2-2003
154	Contemporary's put English to work : Level 6 : Interaction and competencies for job success / Sally Gearhart
	PE1127 .G200S 1996
155	Cracking the GRE : With four Complete Sample Tests on CD-Rom / Karen Lurie; Nguyễn Văn Phước, Ban biên dịch First News chủ giải
	PE1128 .L521K 2001
156	Đàm thoại tiếng Anh : Những câu chọn lọc và dễ học / Nguyễn Văn Dư
	PE1128 .NG527D 1993
157	Đàm thoại tiếng Anh thực dụng / Ninh Hùng dịch và biên soạn

	PE1131 .Đ104t 1991
158	Đề học tốt môn dịch : Theo giáo trình English Vietnamese translation materials / Phạm Phương Luyện
	PE1498 .PH104L 2000
159	Đề nói tốt tiếng Anh : Song ngữ = For better english spoken / Trần Anh Thơ
	PE1131 .TR121T 1996
160	Đề sử dụng đúng động từ trong giao tiếp Tiếng Anh hiện đại / Đức Tài, Tuấn Khanh
	PE1271 .Đ552T 1995
161	Đề sử dụng đúng giới từ trong giao tiếp Tiếng Anh hiện đại / Đức Tài, Đức Hoà
	PE1335 .Đ552T 1995
162	Đề sử dụng đúng tính từ và trạng từ trong giao tiếp tiếng Anh = Better ways with Adjectives & Adverbs / Đức Tài, Tuấn Khanh
	PE1241 .Đ552T 1995
163	Đề thi chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh : Trình độ A môn viết / Nguyễn Trùng Khánh
	PE1128 .NG527K 2001
164	Đề thi viết luyện thi chứng chỉ A tiếng Anh : Biên soạn theo chương trình của Bộ Giáo dục-Đào tạo. Đầy đủ các dạng bài thi theo chương trình hiện hành / Phạm Tấn Trước, Tôn Nữ Giáng Huyền
	PE1128 .PH104T 1999
165	Deadly harvest / Carolyn Walker.
	PE1126 .W103C 1999
166	Delta's Key to the TOEFL test / Nancy Gallagher; Vũ Tài Hoa, Nguyễn Văn Phước, Ban biên dịch First new chú giải
	PE1128 .G103n 2003
167	Destination B1 : Grammar and Vocabulary with answer key / Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles
	PE1112 .M107M 2008
168	Destinations : an integrated approach to writing paragraphs and essays / Richard E. Bailey, Linda Denstaedt.
	PE1439 .B103R 2007
169	Developing a new course for adult learners / Margeurite Ann Snow and Lia D. Kamhi-Stein, editors.
	PE1128 .D207a 2006
170	Developing Reading Skills : A practical guide to reading comprehension exercises / Francoise Grellet ; Howard B. Altman, Peter Strevens editors
	PE1128 .G201F 2003
171	Developments in ESP : A multi-disciplinary approach / Tony Dudley-Evans, Maggie Jo St John
	PE1128 .D506T 2004
172	Dịch văn bản khoa học và kỹ thuật sang tiếng anh / Pumpyanski ; Đào Hồng Thu dịch.
	PE1498.2 .P511 2008
173	Dịch văn bản khoa học và kỹ thuật sang tiếng Anh / Pumpyanski; Đào Hồng Thu dịch
	PE1498 .P511 2002
174	Dictionary of Phrasal Verbs / John Sinclair Editor in Chief
	PE1315 .D302-o 1990
175	Dictionary of Synonyms and Antonyms / Milon Nandy
	PE1591 .N105M 1993
176	Dictionary of Synonyms and Antonyms : The wordfinder for every student, speaker and the writer of English language / Milon Nandy
	PE1591 .N105M 1993

177	Discover English : a language awareness workbook / Rod Bolitho, Brian Tomlinson.
	PE1128 .B428R 2005
178	Discussions A-Z advanced : A resource book of speaking activities / Adrian Wallwork.
	PE1128 .W103A 2003
179	Discussions A-Z intermediate : A resource book of speaking activities / Adrian Wallwork.
	PE1128 .W103A 2003
180	Đọc thêm tiếng Anh. Tập 1 / Chu Xuân Nguyên, Hoàng Đức
	PE1128 .CH500N T.1-1979
181	Dolphin music / Antoinette Moses.
	PE1126 .M434A 1999
182	Động từ nhóm thực dụng = Phrasal Verbs in use. Volume1, English / Phạm Tấn Quyền biên soạn
	PE1319 .Đ455t V.1-2003
183	Động từ thành ngữ Anh - Việt = English - Vietnamese verbal idioms / Bùi Phụng
	PE1460 .B510P 2000
184	Động từ tiếng Anh và cách dùng = English verbs and how to use them / Trang Sĩ Long biên soạn
	PE1271 .Đ455t 1994
185	Dùng đúng từ trong tiếng Anh / Hoàng Phúc
	PE1449 .H407P 2003
186	East 43rd Street / Alan Battersby.
	PE1126 .B110A 2000
187	Easy access : the reference handbook for writers / Michael L. Keene, Katherine H. Adams.
	PE1408 .K201M 2002
188	Economics / Christopher St J Yates; C Vaughan James editor
	PE1127 .Y600C 1995
189	Effective Meeting : Teacher's book / Jeremy Comfort
	PE1127 .C429J 1996
190	Effective Meetings / Jeremy Comfort
	PE1127 .J202C 1996
191	Effective Negotiating / Jeremy Comfort
	PE1127 .C429J 1998
192	Effective Presentations / Jeremy Comfort, with York Associates
	PE1127 .C429J 2001
193	Effective Presentations / Jeremy Comfort, York Associates
	PE1127 .J206C 2001
194	Effective Presentations : Teacher's book / Jeremy Comfort, York Associatee
	PE1127 .C429J 1997
195	Effective socializing / Jeremy Comfort
	PE1127 .C429J 2002
196	Effective Telephoning : Teacher's book / Jeremy Comfort
	PE1127 .C429J 1996
197	Elements of argument : a text and reader / Annette T. Rottenberg.
	PE1431 .R435A 2000
198	Elements of Pronunciation : Intensive practice for intermediate and more advanced students / Colin Mortimer
	PE1137 .M434C 2003

199	English / Khoa Ngoại ngữ
	PE1065 .E207
200	English brushup / John Langan, Janet M. Goldstein.
	PE1413 .L106J 2003
201	English conversation / Jean Yates, PhD.
	PE1131 .Y600J 2016
202	English Department Writing Guide / Donald S. Tannehill, Terry Hansen
	PE1404 .T107D 1998
203	English file : Intermediate teacher's book / Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Gill Hamilton
	PE1128 .O-435C 2004
204	English File : Intermediate workbook / Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Gill Hamilton
	PE1065 .O-435C 2001
205	English file : Student's book. Part 2 / Clive Oxenden, Paul Seligson, Christina Latham-Koenig
	PE1128 .O-435C P.2-1997
206	English File : Upper-intermediate student's book / Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig
	PE1065 .O-435C 2003
207	English file : Upper-intermediate teacher's book / Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Gill Hamilton
	PE1065 .O-435C 2001
208	English File : Upper-intermediate workbook / Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig, Jane Hudson
	PE1065 .O-435C 2004
209	English for Business communication : Student's Book / Simon Sweeney;
	PE1127 .S201S 2014
210	English for Business communication : Teacher's Book / Simon Sweeney;
	PE1127 .S201S 2012
211	English for Business Studies : A course for business studies and economics students : Teacher's Book / Ian Mackenzie
	PE1127 .M102-i 2003
212	English for Business Studies : A Course for Business Studies and Economics Students with answers / Ian MacKenzie; Nguyễn Văn Phước chủ giải; Ban Biên dịch Frist News.
	PE1127 .M102-i 2001
213	English for Business Studies : Student's book : A course for business studies and economic students / Ian Mackenzie
	PE1127 .M102-I 2004
214	English for careers : business, professional, and technical / Leila R. Smith ; with contributions from Barbara Moran.
	PE1115 .S314L 2002
215	English for Chemistry / Mai Xuân Trường, Nguyễn Tiến Trục
	PE1129 .M103T 2014
216	English for finance and Banking
	PE1127 .NG527T 1999
217	English for International Banking and Finance / Jim Corbett
	PE1127 .J310C 2002
218	English for International Banking and Finance : Guide for teachers / Jim Corbett

	PE1127 .C434J 2004
219	English for mechanical engineering in higher education studies : Course's Book / Marian Dunn ...[et.al];
	PE1127 .E204f 2012
220	English for mechanical engineering in higher education studies : Teacher's Book / Marian Dunn ...[et.al];
	PE1127 .E204f 2012
221	English for nautical students and ship's officers. Vol. II / Nguyễn Tường Luân
	PE1127 .NG527L V.1-1995
222	English for Specific Purposes : a learning-centred approach / Tom Hutchinson, Alan Waters ; Howard B. Altman, Peter Strevens editors
	PE1128 .H522T 2004
223	English for students of sea transport economic department and ship operators.
	PE1127 .NG512L 1995
224	English for the automobile industry / Marie Kavanagh
	PE1127 .K111M 2007
225	English for the fashion industry / Mary E. Ward.
	PE1115 .W109M 2016
226	English for the financial sector / Ian MacKenzie.
	PE1127 .M102-i 2008
227	English Grammar in Use : 130 đề mục ngữ pháp tiếng Anh / Raymond Murphy ; Người dịch: Trần Châu Uyên, Nguyễn Hạnh hiệu đính.
	PE1114 .M521R 1996
228	English Grammar in Use : 136 đề mục ngữ pháp tiếng Anh / Raymond Murphy ; Người dịch: Trịnh Xuân Hùng
	PE1128 .M521R 1999
229	English Grammar in Use : 130 đề mục ngữ pháp tiếng Anh / Raymond Murphy ; Trần Văn Thành, Nguyễn Trung Tánh, Lê Huy Lâm dịch
	PE1112 .M521R 1996
230	English Grammar in Use: a self-study reference and practice book for intermediate students/ Raymond Murphy
	PE1112 .M521R 1996
231	English in focus : Level A = Chương trình tiếng Anh cho người lớn : Trình độ A / Nicholas Sampson, Nguyễn Quốc Hùng
	PE1128 .S104N 1997
232	English in focus : level A Workbook / Diana Green, Sandra Aleen, Nguyễn Quốc Hùng
	PE1128 .G201D 1998
233	English in Focus English in Mechanical Engineering / Eric H Glendinning
	PE1128 .G203E 1973
234	English Language Dictionary / John Sinclair Editor in chief
	PE1628.5 .E204L 1988
235	English language teaching materials : theory and practice / edited by Nigel Harwood.
	PE1128 .E204L 2010
236	English Phonetics and Phonology : A practical course / Peter Roach
	PE1133 .R403P 2000
237	English phonetics and phonology : a practical course / Peter Roach.
	PE1133 .R403P 2009
238	English Pronunciation in Use : Intermediate: Self-study and classroom use C / Mark Hancock.

	PE1137 .H105M 2012
239	English skills / John Langan ; [edited by] Alexis Walker, Paul Banks.
	PE1408 .L106J 2005
240	English skills with readings / John Langan.
	PE1408 .L106J 2002
241	English skills with readings / John Langan.
	PE1408 .L106J 2008
242	English that Works : Prevocational ESL for adults . Volume 1 / K.Lynn Savage, Mamie How, Ellenhai-Shan Yeung
	PE1479 .S111K V.1-1993
243	English that Works : Prevocational ESL for adults . Volume 1 / K.Lynn Savage, Mamie How, Ellenhai-Shan Yeung
	PE1479 .S111K V.2-1993
244	English verbal idioms = Thành ngữ động từ tiếng Anh / Nguyễn Hữu Thời
	PE1460 .NG527T 2001
245	English vocabulary in use : advanced / Michael McCarthy, Felicity O'Dell. Advanced.
	PE1449 .M109M 2002
246	English vocabulary in use : elementary with answer / Michael McCarthy, Felicity O'Dell ; Nguyễn Văn Phước chú giải; Ban biên dịch First News
	PE1449 .M109M 2000
247	English words : history and structure / Robert Stockwell and Donka Minkova.
	PE1571 .S419R 2001
248	Enterprise one : Tiếng anh trong thương mại: Student's book - Work book - Vocabulary list / Judy West, CJ Moore; Chú giải: Phương Thảo
	PE1127 .W206J 1998
249	ESOL activities : Practical language activities for living in the UK and Ireland. Emtry 2 / Elaine Boyd
	PE1128 .B435e 2008
250	Essential English Dictionary / John Sinclair Editor in chief
	PE1628.5 .E600e 1989
251	Essential words for the IELTS / Lin Lougheed.
	PE1128 .L435L 2017
252	Essential words for the Ielts/ Barron's
	PE1128 .B109 2017
253	Essential words for the IELTS: Test of English as A foreign language / Steven J. Matthiesen; Nguyễn Văn Phước chú giải
	PE1128 .M110S 2000
254	Everything You Need to Score High on the TOEFL : Test of english as a foreign language. With the latest Information on the New Computer-based TOEFL / Patricia Nobel Sullivan, Grace Yi Qiu Zhong, Gail Abel Brenner; Chú giải: Nguyễn Văn Phước; Ban biên dịch First News.
	PE1128 .S510P 2002
255	Exploring British culture : multi-level activities about life in the UK / Jo Smith.
	PE1127 .S314J 2012
256	Exploring Grammar in Context : Upper intermediate & Advanced / Ronald Carter, Rebecca Hughes, Michael McCarthy; Vũ Tài Hoa, Nguyễn Văn Phước chú giải
	PE1112 .C109R 2002
257	Exploring through Writing : A process approach to ESL composition / Ann Raimes
	PE1128 .A107r 2004
258	Extending professional contributions / edited by Tim Murphey.

	PE1128 .E207p 2003
259	Facts and Figures : Basic Reading Practice / Patricia Ackert
	PE1128 .A102P 2000
260	From critical thinking to argument : a portable guide / Sylvan Barnet, Hugo Bedau.
	PE1431 .B109s 2008
261	From language learner to language teacher : an introduction to teaching English as a foreign language / Don Snow.
	PE1128 .S435D 2007
262	Functional writing. Book 3 / Faculty of foreign languages english language and translation department
	PE1408 .F512w b.3-2001
263	Functional Writing. Book 3 / Hanoi University of Technology. Faculty of Foreign Languages. English Language and Translation Department
	PE1408 .F512w b.3-2001
264	Functions of American English : Communication activities for the classroom : Student's book / Leo Jones, C. von Baeyer
	PE1131 .J430L 2002
265	Functions of American English : communication activities for the classroom :teacher's manual / Leo Jones, C. von Baeyer.
	PE1131 .J430L 1983
266	Fundamentals of academic writing / Linda Butler.
	PE1128 .B522L 2007
267	Giải thích ngữ pháp tiếng Anh : Bài tập và đáp án / Mai Lan Hương, Hà Thanh Uyên biên soạn
	PE1112 .Gi-103t 2011
268	Giáo trình hình thái học tiếng anh= English Morphology / Tô Minh Thanh
	PE1171 .T450T 2009
269	Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật phần mềm = A Course of basic english for software engineering / Châu Văn Trung
	PE1127 .CH125T 2006
270	Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành May / Nguyễn Thị Luyến
	PE1127 .NG527L 2010
271	Giáo trình tiếng Anh công nghệ thông tin = A Course of Basic English in Information Technology / Lữ Đức Hào, Ngọc Huyền
	PE1127 .L550H 2002
272	Giáo trình tiếng Anh dành cho sinh viên ngành công nghệ hoá học / Doãn Thái Hoà chủ biên;...[và những người khác].
	PE1127 .Gi-108t 2005
273	Giáo trình tiếng Anh sinh học : Các bài dịch mẫu, thuật ngữ chuyên ngành, hiện tượng ngữ pháp, các kiểu bài tập. Tập 1. / Kiều Hữu Ảnh.
	PE1127 .K309A T.1-2006
274	Giới từ tiếng Anh : Tài liệu dùng cho học sinh phổ thông và những người đang học tiếng Anh, T.1 : 1993.- 111 tr. / Trần Anh Thơ
	PE1335 .TR121T 1993
275	Giới từ và cụm động từ tiếng Anh = Prepositions and Phrasal Verbs / Nguyễn Đình Minh, Nguyễn Trần Lâm
	PE1335 .NG527M 1998
276	Grammar and Composition / Anna Cole Brown,...[et al].
	PE1112 .G104a 1986
277	Grammar form and function 3 : workbook / Milada Broukal, Diana Renn, Amy Parker

	PE1112 .B435M 2005
278	Grammar form and function. Book 1 / Milada Broukal
	PE1112 .B435M b.1-2004
279	Grammar form and function. Book 3 / Milada Broukal
	PE1112 .B435M b.3-2005
280	Grammar in use : Reference and practice for intermediate students of english / Raymond Murphy
	PE1112 .M521R 1990
281	Grammar in use Intermediate : Fully New Up dated Edition With Audio Cassettes - CD / Raymond Murphy, William R. Smalzer
	PE1112 .M521R 2001
282	Grammar Power : Essential Guide for Improving Your Grammar / Simon, Schuster; Vũ Tài Hoa, Nguyễn Văn Phước chú giải ; First News biên dịch
	PE1112 .S310 2003
283	Grammar practice : for elementary students with answers / Elaine Walker, Steve Elsworth ; Nguyễn Văn Phước chú giải ; Ban biên dịch First news
	PE1112 .W103E 2001
284	Grammar practice : for intermediate students with answers / Elaine Walker, Steve Elsworth ; Nguyễn Văn Phước chú giải ; Ban biên dịch First News
	PE1112 .W103E 2001
285	Grammar practice : for pre-intermediate students with answers / Elaine Walker, Steve Elsworth; Nguyễn Văn Phước chú giải ; Ban biên dịch First News
	PE1112 .W103E 2001
286	Grammar practice : for upper-intermediate students with answers / Elaine Walker, Steve Elsworth; Nguyễn Văn Phước chú giải; Ban biên dịch First News
	PE1112 .W103E 2001
287	Great ideas : listening and speaking activities for students of American English / Leo Jones, Victoria Kimbrough.
	PE1128 .J430L 1987
288	Great sentences for great paragraphs / Keith S. Folse, University of Central Florida ; April Muchmore-Vokoun, Hillsborough Community College ; Elena Vestri Solomon, Khalifa University of Science, Technology, and Research, UAE.
	PE1441 .F428K 2014
289	Great writing 4 : great essays / Keith S Folse, April Muchmore-Vokoun, Elena Vestri Solomon.
	PE1413 .F428K 2014
290	Great writing 5 : from great essays to research / Keith S. Folse, Tison Pugh.
	PE1413 .F428K 2015
291	Great writing. 2, Great paragraphs / Keith S. Folse, ... April Muchmore-Vokoun, ... Elena Vestri Solomon, ...
	PE1441 .F428K 2014
292	Great writing. 3, From great paragraphs to great essays / Keith S. Folse, ... David Clabeaux, Elena Vestri Solomon, ...
	PE1441 .F428K 2014
293	Guide compstion = Hướng dẫn viết luận Anh văn / Nguyễn Đức Hoà
	PE1471 .NG527H 1999
294	Hai mươi truyện ngắn chọn lọc : Luyện dịch Anh - Việt; Đã phát trên đài VOA / Nguyễn Thị Ái Nguyệt, Cát Tiên
	PE1075 .H103m 1996

295	Handbook for the McGraw-Hill guide : writing for college, writing for life / Duane Roen, Gregory R. Glau, Barry M. Maid.
	PE1404 .R423D 2012
296	Handbook for the McGraw-Hill guide : writing for college, writing for life / Duane Roen, Gregory R. Glau, Barry M. Maid.
	PE1404 .R423D 2012
297	He knows too much / Alan Maley.
	PE1126 .M103A 1999
298	Hệ thống điện và sơ đồ dây điện trong xe hơi = Automotive Electrical system and electrical diagram/ Quang Huy
	PE1127 .QU106H 2005
299	Hệ thống từ vựng giải thích chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý: Sách chuyên khảo / Trần Thị Song Minh chủ biên;...[và những người khác]
	PE1127 .H250t 2012
300	Headway : Elementary -- Student's book & work book / Liz, John Soars
	PE1122 .L315 1990
301	Headway : Elementary / John, Liz Soars
	PE1122 .J435N 1997
302	Headway : Pre- intermediate / John, Liz Soars
	PE1122 .J435N 2003
303	Headway : Pre-intermediate / John Soars, Liz Soars
	PE1122 .S410J 1994
304	Headway : Pre-intermediate / John Soars, Liz Soars
	PE1122 .S410J 1995
305	Headway : Students book : Advanced / John Soars, Liz Soars
	PE1122 .S410J
306	Headway : Student's book : Upper-intermediate / John Soars, Liz Soars
	PE1122 .S410J
307	Headway : Workbook : Upper-intermediate / John, Liz Soars
	PE1122 .J427 1987
308	Headway Intermedia : Workbook / Liz & John Soars
	PE1122 .J427 1995
309	Headway Intermediate / John, Liz Soars
	PE1122 .J427 1994
310	Headway Intermediate / John, Liz Soars
	PE1122 .J427 1995
311	Headway Intermediate / John, Liz Soars
	PE1122 .J427 2002
312	Headway Pre-Intermedia : (Song ngữ) / John Soars, Liz Soars; Dịch và biên soạn : Bùi Quang Đông.
	PE1122 .S410J 1994
313	Headway: Pre-Intermediate / John, Liz Soars
	PE1122 .J427 1994
314	Heath Grammar and Composition / Carol Ann Bergman, J. A. Senn
	PE1112 .B206C 1987
315	Heinle & Heinle Toefl test asistant: Vocabulary / Milada Broukal ; Lê Huy Tâm, Trương Hoàng Duy dịch và chú giải.
	PE1128 .B435M 1999
316	Heinle & Heinle's complete guide to the TOEFL test, CBT ed / Bruce Rogers; Hoài Chi, Hiền Thảo chú giải; Ban Biên dịch Frist News

	PE1128 .R427B 2001
317	Hiểu và dùng đúng văn phạm Anh ngữ : Song ngữ Anh Việt= Understanding & using English grammar / Betty Schampfer Azar; Nguyễn Phúc dịch
	PE1112 .A112B 1993
318	Hiểu và dùng ngữ pháp tiếng Anh. Quyển 1, Kiến thức cơ bản về ngữ pháp / Nguyễn Thuần Hậu biên soạn
	PE1112 .H309v Q.1-2003
319	Hiểu và dùng văn phạm Anh ngữ : Song ngữ Anh Việt = Understanding and English Grammar / Nguyễn Hạnh dịch
	PE1112 .H315v 1997
320	High life, low life / Alan Battersby.
	PE1126 .B110A 2001
321	Hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư/Phó Giáo sư. Phần 2/2 / Dương Thị Hoàng Oanh
	PE1065 .D561O P.2/2-2012
322	Hồ sơ đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư. Tập 2C/2 / Nguyễn Văn Long
	PE1065 .NG527L T.2C/2-2015
323	Học dịch tiếng Anh chính xác hơn / Trần Phú Thuyết
	PE1498 .TR121T 2002
324	Học dịch tiếng Anh qua những truyện ngắn / Trần Anh Kim, Trần Giáng Hương
	PE1498 .TR121K 2002
325	Học tiếng Anh bằng thành ngữ / Trần Văn Điền
	PE1460 .TR121Đ 1994
326	Học viết tiếng Anh = College Writting Skills : Model Assays / C. Paul Verghese; Phạm Thu Hằng dịch và chú giải
	PE1408 .V206C 2003
327	Hỏi - Đáp về tính từ trong tiếng Anh / Đỗ Thanh Loan
	PE1241 .Đ460L 2004
328	Hỏi đáp về danh từ trong tiếng Anh / Đỗ Thanh Loan
	PE1201 .Đ450L 2003
329	Hỏi đáp về giới từ và trạng từ trong tiếng Anh / Đỗ Thanh Loan
	PE1335 .Đ450L 2003
330	How to choose your A-levels / David Cooper
	PE1128 .C433D 2000
331	How to prepare for the GRE : Graduate record examination / Samuel C. Brownstein, Mitchel Weiner, Sharon Weiner Green; author of special chapter on mathematics: Stephen Hilbert; Nguyễn Văn Phước, ban biên dịch First News chú giải
	PE1128 .B435S 2001
332	How to prepare for the TOEFL success : Test of English as a Foreign Language success / Bruce Rogers; Nguyễn Văn Phước (chú giải).
	PE1128 .R427B 2002
333	How to prepare for the toefl test : Test of english as a foreign language / Pamela J. Sharpe ; chú giải: Nguyễn Văn Phước ; Ban biên dịch First News
	PE1128 .S109P 2002
334	How to prepare for the TOEFL test : test of English as a foreign language / Pamela J. Sharpe ; Lê Thành Tâm, Lê Ngọc Phương Thanh thực hiện
	PE1128 .S109P 2005
335	How to prepare for the TOEFL test : test of English as a foreign language / Pamela J. Sharpe; Chú giải: Nguyễn Văn Phước; Ban biên dịch First News.

	PE1128 .S109P 1999
336	How to prepare for the toefl test : Test of english as a foreign language / Pamela J. Sharpe; Nguyễn Văn Phước chú giải: Ban biên dịch First News
	PE1128 .S109P 2000
337	How To Say It Best : Kỹ năng chọn lựa từ-cụm từ-các mẫu phát biểu cho mọi tình huống / Nguyễn Sanh Phúc
	PE1128 .NG527P 2001
338	How to write an essay in 5 easy steps / by Scribendi.com.
	PE1471 .H435t 2013
339	Hướng dẫn cách sử dụng mẫu câu tiếng Anh = Guide to patterns and usage in english / A.S. Hornby; Hoàng Minh Hùng dịch
	PE1375 .H434A 1993
340	Hướng dẫn chuẩn bị thi Toefl = How to prepare for the Toefl : Test of English as a foreign language / Palmela J. Shape ; Trương Hùng, Nguyễn Quang Huy chú giải
	PE1128 .S109P 2000
341	Hướng dẫn dịch và đọc báo chí tiếng Anh : Thời sự quốc tế - Sự kiện kinh tế tài chính đầu tư - Sự kiện khoa học kỹ thuật - Sự kiện văn hoá xã hội - Sự kiện thể thao / Lê Hiếu Ánh, Thành Tâm, Tuấn Anh...biên soạn
	PE1498.2 .H561d 2002
342	Hướng dẫn dịch và đọc báo chí tiếng Anh : Thời sự Quốc tế - Sự kiện kinh tế tài chính, đầu tư - Sự kiện khoa học kỹ thuật - Sự kiện văn hoá xã hội - Sự kiện thể thao / Lê Hiếu Ánh chủ biên,...[và những người khác].
	PE1498.2 .H561d 1995
343	Hướng dẫn dịch và đọc báo chí Tiếng Anh : Thời sự quốc tế, sự kiện kinh tế, tài chính đầu tư, sự kiện khoa học kỹ thuật, sự kiện văn hoá xã hội, sự kiện thể thao / Lê Hiếu Ánh,...[và những người khác] biên soạn
	PE1498.2 .H561d 1996
344	Hướng dẫn ôn tập và giới thiệu đề thi tiếng Anh học phần I và II / Nguyễn Thị Tường Vi
	PE1128 .NG527V 2007
345	Hướng dẫn viết thư tiếng Anh trong khoa học và kinh doanh : A guide to letter writing for science and business / Lê Minh Triết, Lê Ngọc Thanh.
	PE1483 .L250T 1998
346	ICON international communication through English : intro workbook / Donald Freeman, Kathleen Graves, Linda Lee
	PE1131 .F201D 2005
347	IELTS on track : Test practice academic / Stephen Slater, Donna Millen, Pat Tyrie; Nguyễn Thành Yến giới thiệu
	PE1128 .S110s 2003
348	IELTS practice tests : with answers. Vol 1 / James Milton, Huw Bell, Peter Neville; Nguyễn Thành Yến giới thiệu
	PE1128 .M302J V.1-2005
349	IELTS practice tests : with answers. Vol 2 / James Milton, Huw Bell, Peter Neville; Nguyễn Thành Yến giới thiệu
	PE1128 .M302J V.2-2007
350	IELTS Preparation and Practice : Listening and speaking / Wendy Sahanaya, Jeremy Lindeck
	PE1128 .S102W 1999
351	IELTS Reading / Andrew Guilfoyle
	PE1128 .G510A 2015

352	IELTS reading tests / McCarter, Ash; Giới thiệu và chú giải: Nguyễn Thành Yến.
	PE1128 .M109 2005
353	IELTS Reading Tests / Sam McCarter, Judith Ash; Nguyễn Văn Phước chú giải; First News biên dịch
	PE1128 .M109s 2002
354	IELTS Speaking : Academic Module / Andrew Guilfoyle
	PE1128 .G510A 2015
355	IELTS speaking : Preparation and practice / Carolyn Catt; Nguyễn Thành Yến giới thiệu
	PE1128 .C110C 2006
356	IELTS speaking success : skills, strategies and model answers / Mike Wattie.
	PE1128 .W110M 2015
357	IELTS Test Practise Book : 6 complete Tests for the Academic Module / Andrew Guilfoyle
	PE1128 .G510A 2015
358	IELTS testbuilder / McCarter Sam, Judith Ash; Nguyễn Thành Yến giới thiệu
	PE1128 .M109s 2006
359	IELTS Writing for Success : Academic Module / Terebce Mitchell chủ biên; Chuyển ngữ phần chú giải : Nguyễn Thành Yến
	PE1128 .I-315w 2015
360	IELTS Writing Task one : Academic Module / Andrew Guilfoyle
	PE1128 .G510A 2015
361	IELTS Writing Task two : Academic Module / Andrew Guilfoyle
	PE1128 .G510A 2015
362	In tandem : reading and writing for college students / Deanne Spears ; with a brief guide to grammar and usage, David Spears.
	PE1417 .S200D 2008
363	In the shadow of the mountains / Helen Naylor.
	PE1126 .N112H 1999
364	Inside out: Elementary / Su Kay, Vaughan Jones
	PE1112 .K112S [k.x.đ]
365	Inside reading : the academic word list in context. Vol. 3 / Bruce Rubin, Denise Maduli-Williams, Lara M. Ravitch
	PE1128 .R501B 2007
366	Inside reading : the academic word list in context. Vol. 4 / Kent Richmond
	PE1128 .R315K 2007
367	Insight in to IELTS : Speaking section updated to reflect new exam specifications / Vanessa Jakeman, Clare McDowell; Dịch và chú giải: Lê Huy Lâm.
	PE1128 .J103V 2007
368	Insight into IELTS : the Cambridge IELTS course / Vanessa Jakeman, Clare McDowell.
	PE1128 .J103V 2001
369	Insight into IELTS Extra : With answers / Vanessa Jakeman, Clare McDowell
	PE1128 .J103V 2003
370	Intelligent business / Louise Pile, Susan Lowe
	PE1127 .P302L 2005
371	Intelligent business / Louise Pile, Susan Lowe
	PE1127 .P302L 2006
372	Intelligent business coursebook : Intermediate business English / Tonya Trappe, Graham Tullis

	PE1127 .T109T 2005
373	Intelligent business coursebook : Upper intermediate business English / Tonya Trappe, Graham Tullis
	PE1127 .T109T 2006
374	Interactions 1 : grammar / Elaine Kirn, Darcy Jack ; with contributions by Jill Korey O'Sullivan.
	PE1128 .K313E 2002
375	Interactions 1 : listening/speaking / Judith Tanka, Paul Most, Lida R. Baker ; Giới thiệu sách : Nguyễn Thành Tâm.
	PE1128 .T107J 2002
376	Interactions 1 : reading / Elaine Kirn, Pamela Hartmann ; Giới thiệu sách : Nguyễn Thành Tâm.
	PE1128 .K313E 2002
377	Interactions 1 : writing / Cheryl Pavlik, Margaret Keenan Segal ; Lawrence J. Zwier, Meredith Pike-Baky contributor
	PE1128 .P111C 2007
378	Interactions 1 : writing / Cheryl Pavlik, Margaret Keenan Segal ; with contributions by Laurie Blass ; Giới thiệu sách : Nguyễn Thành Tâm.
	PE1128 .P111C 2002
379	Interactions 2 : listening/speaking / Judith Tanka, Lida R. Baker ; Giới thiệu sách: Nguyễn Thành Tâm.
	PE1128 .T107J 2002
380	Interactions 2 : reading / Elaine Kirn, Pamela Hartmann ; Giới thiệu sách : Nguyễn Thành Tâm.
	PE1128 .K313E 2004
381	Interactions 2 : writing / Cheryl Pavlik, Margaret Keenan Segal ; Lawrence J. Zwier, Meredith Pike-Baky contributor
	PE1128 .P111C 2007
382	Interactions 2 : writing / Cheryl Pavlik, Margaret Keenan Segal ; with contributions by Laurie Blass.
	PE1128 .P111C 2002
383	Interactions 2, Grammar / Patricia K. Werner ... [et al.] ; Giới thiệu sách : Nguyễn Thành Tâm.
	PE1112 .I-312t V.2-2002
384	Intermezzo English : Cùng cố- trau dồi- giao tiếp / Ines Haelbig, Lynn Brincks, Danila Piotti
	PE1131 .H112-I 2015
385	Intro toeic LC & RC / Thomas Giammarco
	PE1128 .G301t 2015
386	Introducing English pronunciation : a teacher's guide to Tree or three? and Ship or sheep? / Ann Baker.
	PE1137 .B103A 2004
387	Introduction to academic english / Alice Oshima, Ann Hogue.
	PE1408 .O-434A 2007
388	Instructor's manual to accompany Bridges to Academic Writing / Ann O. Strauch
	PE1128 .S111A 2004
389	Jumpstart : a workbook for writers / Barbara Fine Clouse
	PE1413 .C435B 2002
390	Jungle love / Margaret Johnson.
	PE1126 .J427M 2002

391	Kernel Lessons : Intermediate / Robert O'Neill, Roy Kingsbury, Tony Yeadon
	PE1122 .O-430R 1977
392	Key words for cambridge English First : Vocabulary for cambridge English : First (FCE) and First for schools
	PE1449 .C428 2014
393	Kodansha's communicative English-Japanese dictionary : [Nihongo gakushu Ei-Wa jiten] / Peter Sharpe ; edited by Michael Staley and Keiko Yoshida.
	PE1130 .S109P 2006
394	Kỹ năng viết câu : Trình độ trung cấp và cao cấp = Sentence skills : Intermediate and advanced levels / Phạm Tấn Quyền
	PE1375 .PH104Q 2004
395	Language for Economics / R. R. Jordan, F. I. Nixon
	PE1127 .J434R 1994
396	Learning english through science and technology : Heat and refrigeration engineering / Nguyễn Hay
	PE1127 .NG527H 2005
397	Let's speed up : English for automobile industry / M. Milagros esteban Garcia
	PE1127 .G109M 2015
398	Liar ! And other modern stories / Isaac Asimov, Joyce Cary, Roald Dahl,...; Roland Hindmarsh editor
	PE1126 .L301a 2001
399	Listen first : Focused listening tasks for beginners / Jayme Adelson - Goldstein.
	PE1128 .A102J 1991
400	Listen for it : A task - based listening course -- teacher's guide / Jack C. Richards, Deborah Gordon, Andrew Harper.
	PE1128 .R302C 1994
401	Listen for it : A task - based listening course / Jack Richards, Deborah Gordon, Andrew Harper.
	PE1128 .R302C 1994
402	Listen in. Book 1 / David Nunan.
	PE1128 .N512D B1-2003
403	Listening & Speaking skill / Barry Cusack, Sam McCarter
	PE1128 .C521B 2007
404	Listening / Adrian Doff (editor), Christopher Jones
	PE1128 .D427A 2004
405	Listening : B1+ intermediate / Ian Badger.
	PE1128 .B102-I 2012
406	Listening. B2+ upper intermediate / Ian Badger.
	PE1128 .B102-I 2014
407	Listening 3 / Joanne Collie, Stephen Slater ; Adrian Doff editor
	PE1128 .C428J 1993
408	Literature in language teaching and learning / edited by Amos Paran.
	PE1128 .L314-i 2006
409	Lỗi ngữ pháp phổ biến / Nigel D. Turton, Nguyễn Quốc Hùng, Phạm Ngọc Thạch
	PE1112 .T521N 1999
410	Longman complete course for the TOEFL test : Preparation for the computer and paper tests / Deborah Phillips; Lê Hiền Thảo, Nguyễn Văn Phước, Ban biên dịch First News chủ giải
	PE1128 .P302D 2002

411	Longman complete course for the TOEFL test : Preparation for the computer and paper tests / Deborah Phillips; Lê Huy Lâm chú giải
	PE1128 .P302D 2002
412	Longman dictionary of contemporary English / [editorial director, Della Summers]
	PE1628 .L431d 1992
413	Longman dictionary of the English language.
	PE1625 .L431d 1984
414	Longman language activator : the world's production dictionary.
	PE1628 .L431l 1993
415	Longman preparation course for the toefl test : The paper test / Deborah Phillips, Lê Huy Lâm giới thiệu.
	PE1128 .P302D 2005
416	Longman preparation series the for new toeic test: Advanced course / Lin Lougheed
	PE1128 .L435L 2009
417	Longman preparation series the for new toeic test: Introductory course / Lin Lougheed
	PE1128 .L435L 2009
418	Luận Anh văn = English composition / Nguyễn Xuân Khánh
	PE1471 .NG527K 1996
419	Luận anh văn chọn lọc và dịch : Tiếng Anh thực hành / Nguyễn Tuấn Tú chủ biên
	PE1471 .L502a 1994
420	Luận Anh văn chọn lọc và dịch = Selected English Essays and Translations : Gồm các bài văn chọn lọc đủ loại tả hình, tả cảnh, thư từ và nghị luận của nhiều giáo sư và nhà văn nước ngoài / Nguyễn Tuấn Tú chủ biên
	PE1408 .L502a 1995
421	Luận Anh văn= English Composition / Nguyễn Xuân Khánh
	PE1471 .NG527K 2000
422	Luyện dịch tiếng anh trình độ nâng cao = Advanced english for traslation / Dennis Chamberlin, Gillian White; Nguyễn Văn Khi chủ giải
	PE1498 .C104D 1998
423	Luyện dịch Việt-Anh / Lê Bá Kông
	PE1498 .L250K 1993
424	Luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch thuật tiếng anh chuyên ngành toán học/ Hồng Quang biên tập
	PE1127 .L527k 2005
425	Luyện kỹ năng đọc hiểu và dịch thuật tiếng anh chuyên ngành toán tin/ Hồng Quang biên soạn;...[và những người khác]
	PE1127 .L527k 2005
426	Luyện kỹ năng nghe hiểu Selected topics / Ellen Kisslinger; Lê Huy Lâm dịch và chú giải
	PE1128 .K313E 1999
427	Luyện thi chứng chỉ A tiếng Anh môn đọc hiểu = Reading Comprehension / Nguyễn Hà Phương
	PE1128 .NG527P 2000
428	Luyện thi chứng chỉ B tiếng Anh môn đọc hiểu / Nguyễn Hà Phương
	PE1128 .NG527P 2000
429	Luyện thi tiếng Anh trình độ C / Nguyễn Thành Danh, Trần Thanh Thuý
	PE1128 .NG527D 2004
430	Luyện thi TOEFL / Jolene Gear; Anh Dũng, Nguyễn Thị Tuyết dịch
	PE1128 .G200J 1995

431	Macmillan Student's Dictionary / Martin H. Manser editor; Jane Deamm, Gillian A. Rathbone, Maurice Waite.
	PE1628 .M102s 1995
432	Macmillan English : Thinking and Writing Processes - Practice book / Macmillan
	PE1408 .M102e 1996
433	Macmillan Student's Dictionary / Martin H. Manser general editor,...[et al].
	PE1628.5 .M102s 1990
434	Making sense of grammar / David Crystal.
	PE1112 .C610D 2004
435	Market leader : intermediate Business English Course book / David Cotton, David Falvey, Simon Kent.
	PE1127 .C435D 2010
436	Market Leader : intermediate business English. Teacher's resource book / Bill Mascull
	PE1127 .M109B 2010
437	Market leader : intermediate, Business English Practice File / John Rogers.
	PE1127 .R427J 2010
438	Market leader : pre-intermediate Business English Course book = Giáo trình tiếng Anh thương mại / David Cotton, David Falvey, Simon Kent.
	PE1127 .C435D 2013
439	Master Toefl Junior : Advance : Language Form and meaning Grammar. CEFR Level B2 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.B2-2015
440	Master Toefl Junior : Advance : Listening Comprehension. CEFR Level B2 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.B2-2014
441	Master Toefl Junior : Advance : Reading Comprehension. CEFR Level B2 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.B2-2014
442	Master Toefl Junior : Basic : Language Form and Meaning Grammar. CEFR Level A2 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.A2-2014
443	Master Toefl Junior : Basic : Reading Comprehension. CEFR Level A2 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.A2-2015
444	Master Toefl Junior : Basic : Reading Comprehension. CEFR Level A2 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.A2-2015
445	Master Toefl Junior : Intermediate : Language Form and Meaning Grammar. CEFR Level B1 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.B1-2015
446	Master Toefl Junior : Intermediate : Listening comprehension. CEFR Level B1 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.B1-2015
447	Master Toefl Junior : Intermediate : Reading comprehension. CEFR Level B1 / Richie Hahn
	PE1128 .H102R L.B1-2015
448	Mastering idiomatic English / Loretta S. Gray.
	PE1128 .G112L 1999
449	Mastering the 5-paragraph essay / by Susan Van Zile.

	PE1471 .V105Z 2006
450	Materials and methods in ELT : a teacher's guide / Jo McDonough, Christopher Shaw, and Hitomi Masuhara.
	PE1128 .M431J 2013
451	Mcgraw-Hill's conquering the TOEFL listening section for your Ipod / Roberta Steinberg. [Nguồn tin điện tử]
	PE1128 .S201R 2009
452	Meaning in to Words : An Integrated Course for Students of English / Adrian Doff, Christopher Jones, Keith Mitchell
	PE1130 .D427A 1983
453	Modern American usage : a guide / by Wilson Follett ; revised by Erik Wensberg.
	PE1460 .F428W 1998
454	Modern English handbook / [by] Robert M. Gorrell [and] Charlton Laird.
	PE1408 .G434R 1967
455	Mosaic 1, Listening/speaking / Jami Hanreddy, Elizabeth Whalley.
	PE1128 .H107J 2002
456	Mosaic 2, Reading / Brenda Wegmann, Miki Knezevic, Marilyn Bernstein.
	PE1128 .W201B 2002
457	Một trăm hai mươi bài luận Anh văn mẫu = 102 model English essays. Cuốn 1, Đạo đức xã hội (40 bài) / H. Martin; Nguyễn Văn Khi dịch và chú giải
	PE1471 .M109H C.1-1999
458	Một trăm hai mươi bài luận Anh văn mẫu. Quyển 2, Kiến thức khoa học (40 bài) / H. Martin; Nguyễn Văn Khi dịch và chú giải.
	PE1471 .M109H Q.2-1999
459	Motives for writing / [compiled by] Robert Keith Miller.
	PE1417 .M435f 2005
460	Muốn thi đậu chứng chỉ C tiếng Anh / Đào Đăng Phong
	PE1128 .Đ108P 1994
461	New Headway : Elementary. Tập 1 / Liz Soars, John Soars
	PE1122 .S410L T.1-2003
462	New Headway : Intermediate Student's book & workbook with key / Liz and John Soars
	PE1122 .S410L 2009
463	New Headway : Intermediate workbook with key / John and Liz Soars
	PE1122 .S410J 2009
464	New Headway : Pre-intermediate / Caroline Krantz...[et al.]
	PE1112 .N207H 2007
465	New Headway intermediate / John and Liz Soars [tài liệu ghi âm]
	PE1128 .S410J 2009
466	New Headway intermediate / Liz and John Soars
	PE1128 .S410L 2009
467	New Headway intermediate / Liz and John Soars [tài liệu ghi âm]
	PE1128 .S410L 2009
468	New Headway intermediate / Liz and John Soars, Amanda Maris
	PE1128 .S410L 2009
469	New Headway intermediate teacher's resource book / Amanda Maris..[et al.]
	PE1128 .N207H 2010
470	New Headway intermediate. Tập 3, Tiếng anh giao tiếp / Liz and John Soars, Amanda Maris
	PE1128 .S410L T.3-2008

471	New Headway Video Pre-intermediate : Student's book / John Murphy, Liz Soars editors.
	PE1128 .N207H 2003
472	New Heaway : Intermediate pronunciation course / Sarah Cunningham, Bill Bowler
	PE1137 .C513S 2003
473	New Interchange : English book for international Communication: Student's book 2 / Jack C. Richards, Jonathan Hull, Susan Proctor; Đỗ Quang Thái giới thiệu
	PE1128 .R302J 2001
474	New interchange : English for international communication : student's book 2 / Jack C. Richards, with Jonathan Hull and Susan Proctor.
	PE1128 .R302J 1997
475	New interchange : English for international communication : student's book 3 / Jack C. Richards, with Jonathan Hull, Susan Proctor.
	PE1128 .R302J 1998
476	New Interchange : English for International Communication: Student's book and Workbook. V.1 / Jack C. Richards, Jonathan Hull, Susan Proctor
	PE1131 .R302J V.1-2000
477	New Interchange : English for International Communication: Student's book and Workbook. V.1 / Jack C. Richards, Jonathan Hull, Susan Proctor
	PE1131 .R302J V.1-2003
478	New international business english : Communication skills in English for business purposes / Leo Jones, Richard Alexander
	PE1127 .J430L 2000
479	New international business English : Communication skills in English for business purposes / Leo Jones, Richard Alexander
	PE1127 .J430L 2003
480	New Success at First Certificate : Workbook / Micheal Duckworth, Kathy Gude
	PE1128 .D506M 2001
481	New success at fist certificate : Teacher's book with revistion tests / Robert O'Neill, Michael Duckworth, Kathy Gude
	PE1128 .O-430R 1998
482	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm tăng hiệu quả dạy và học môn thực hành dịch cho sinh viên khối cử nhân ngoại ngữ chuyên ngành trường Đại học Bách Khoa Hà Nội : Mã số : B2008-1-187 / Nguyễn Minh Hằng Chủ nhiệm đề tài
	PE1498 .NG527H 2009
483	Ngôn ngữ tiếng Anh chuyên ngành công nghệ hoá học, thực phẩm và công nghệ sinh học = The language of chemistry, food and biological technology in english / Chủ biên: Nguyễn Thị Hiền
	PE1127 .Ng454n 2001
484	Ngôn ngữ tiếng Anh chuyên ngành công nghệ hoá học, thực phẩm và công nghệ sinh học = the language of chemistry, food and biological technology in english / Chủ biên: Nguyễn Thị Hiền
	PE1127 .Ng454n 2003
485	Ngữ pháp thông dụng tiếng Anh : English grammar in use: 136 đề mục / Raymond Murphy ; Bá Kim dịch và chú giải
	PE1112 .M521R 2000
486	Ngữ pháp thông dụng tiếng Anh với 136 đề mục / Raymond Murphy; Bá Kim Người dịch và chú giải
	PE1114 .M521R 1995
487	Ngữ pháp Tiếng Anh / Nguyễn Khuê

	PE1114 .NG527K 1996
488	Ngữ pháp tiếng Anh / Vũ Thanh Phương, Bùi Ý ; Bùi Phụng hiệu đính
	PE1112 .V500P 2001
489	Ngữ pháp tiếng Anh / Vũ Thanh Phương, Bùi Ý; Bùi Phụng hiệu đính
	PE1112 .V500P 1997
490	Ngữ pháp tiếng Anh = English grammar / Bùi Ý, Vũ Thanh Phương ; Bùi Phụng hiệu đính.
	PE1112 .V500P 2004
491	Ngữ pháp tiếng Anh = English grammar / Chu Xuân Nguyên
	PE1112 .CH500N 1979
492	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản = Fundamentals of English Grammar / Betty Schrampper Azar; Phạm Thế Hưng dịch
	PE1112 .A112B 1996
493	Ngữ pháp tiếng Anh câu điều kiện và thể giả định / Phan Hà chủ biên
	PE1375 .Ng550p 2001
494	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản / Tạ Ngọc Thu
	PE1112 .T100T 1999
495	Ngữ pháp tiếng Anh cốt yếu, thông dụng : 303 đề mục / Nhóm biên soạn Xuân Nguyên.
	PE1112 .Ng550p 2000
496	Ngữ pháp tiếng Anh Giới từ - trạng từ và cách dùng / John Easwood,...[et.al.]; Vũ Mạnh Tường biên soạn; Quang Trung hiệu đính
	PE1335 .Gi-462t 2002
497	Ngữ pháp tiếng Anh hiện đại / Nguyễn Hữu Dự, Trần Ngọc Châu, Phạm Văn Hồng
	PE1112 .NG527D 2001
498	Ngữ pháp tiếng Anh thực hành : 114 đề mục ngữ pháp quan trọng. Dành cho trình độ cơ bản / Raymond Murphy ; Vũ Tài Hoa chú giải
	PE1111 .A112M 1998
499	Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành : Song ngữ / Lê Hồng Châu biên dịch
	PE1114 .Ng550p 1999
500	Ngữ pháp và phần bổ sung Tiếng Anh trên truyền hình FOLLOW ME, Tập 2 / Nguyễn Phát Đạt
	PE1112 .NG527Đ T.2-1989
501	Ngữ pháp và phần bổ sung Tiếng Anh trên truyền hình FOLLOW ME. Tập 1 / Nguyễn Phát Đạt
	PE1112 .NG527Đ T.1-1989
502	Những bài luyện dịch Anh-Việt : Tìm hiểu văn chương Anh / Đắc Sơn
	PE1498 .Đ113S 1995
503	Nói tiếng Anh tự nhiên trong mọi tình huống / Nguyễn Thị Ái Nguyệt biên soạn
	PE539 .N428t 1995
504	NTC's English idioms dictionary / Richard A. Spears, Betty Kirkpatrick.
	PE1460 .S200R 1993
505	NTC's practice tests for the TOEFL, test of English as a foreign language / Milada Broukal, Enid Nolan-Woods; Nguyễn Văn Phước chú giải; Ban biên dịch First News
	PE1128 .B435M 2000
506	On location reading and writing for success in the content areas. Vol. 1 / Thomas Bye
	PE1479 .B601T V.1-2005
507	On location reading and writing for success in the content areas. Vol. 2 / Thomas Bye
	PE1479 .B601T V.2-2005
508	On writing : a process reader / Wendy Bishop.

	PE1408 .B313W 2004
509	Open questions : readings for critical thinking and writing / [edited by] Chris Anderson, Lex Runciman.
	PE1417 .O-434q 2005
510	Oxford advanced learner's dictionary of current English / [edited by] A.S. Hornby with A.P. Cowie, A.C. Gimson.
	PE1628 .O-435a 1974
511	Oxford Advanced Learner's Dictionary of Current English / A.S. Hornby
	PE1628 .H434A 1984
512	Oxford advanced learner's dictionary of current English / A.S. Hornby ; edited by Sally Wehmeier ; phonetics editor Michael Ashby.
	PE1628 .H434A 2002
513	Oxford Advanced Learner's Dictionary of Current English / A.S. Hornby; Sally Wehmeier chief editor,...[et.el.]
	PE1628 .H434A 2005
514	Oxford Advanced Learner's Dictionary of Current English : Encyclopedia edition / Jonathan Crwther editor
	PE1628 .O-435a 1992
515	Oxford advanced learner's dictionary.
	PE1625 .H434A 1989
516	Oxford Basics Teaching Grammar / Jim Scrivener
	PE1112 .S315J 2003
517	Oxford Dictionary of English Idioms / A P Cowie, R. Mackin, I R Caig
	PE1460 .C435A 1994
518	Oxford English for Computing / Keith Boeckner, P. Charles Brown
	PE1128.3 .B400K 1999
519	Oxford English for Computing / Keith Boeckner, P. Charles Brown
	PE1128.3 .B421K 1993
520	Oxford English for Computing : Answer book with teaching notes / Keith Boeckner, P. Charles Brown
	PE1127 .B421K 1993
521	Oxford English for electrical and mechanical engineering / Eric H. Glendinning, Norman Glendinning
	PE1128 .G203E 2001
522	Oxford english for electrical and mechanical engineering : Answer book with teaching notes / Eric H.Glendinning, Norman Glendinning
	PE1127 .E206H 1995
523	Oxford English for Electronics / Eric H. Glendinning, Jolin McEwan
	PE1127 .G203E 2000
524	Oxford English for Information Technology : Teacher's guide / Eric H. Glendinning, John McEwan
	PE1127 .E206H 2002
525	Oxford idioms dictionary : For learners of English
	PE1460 .O-435-i 2003
526	Pairwork and Groupwork : Multi-level photocopiable activities for teenagers / Meredith Levy, Nicholas Murgatroyd
	PE1408 .L207M 2014
527	Pass key to the TOEFL iBT : test of English as a foreign language : internet-based test / Pamela J. Sharpe.
	PE1128 .S109J 2006

528	Pass the TOEIC test, Introductory course / Miles Craven.
	PE1128 .C111M 2012
529	Passages : An upper-lever multi-skills course: With answers and tapescripts . Tập 1, Student's and workbook / Jack C. Richards, Chuck Sandy; Nguyễn Văn Phước chú giải
	PE1128 .R302J T.1-2001
530	Passages : An upper-lever multi-skills course: With answers and tapescripts. Tập 2, Student's and workbook / Jack C. Richards, Chuck Sandy; Nguyễn Văn Phước chú giải
	PE1128 .R302J T.2-2001
531	Patterns for a purpose : a rhetorical reader / Barbara Fine Clouse.
	PE1417 .C435B 2006
532	Perfect Toefl Junior : Practice Test. Book 1 / Darakwon Toefl junior, Research Team
	PE1128 .P206t b.1-2015
533	Perfect Toefl Junior : Practice Test. Book 2 / Darakwon Toefl junior, Research Team
	PE1128 .P206t b.2-2015
534	Perfect Toefl Junior : Practice Test. Book 3 / Darakwon Toefl junior, Research Team
	PE1128 .P206t b.3-2015
535	Person to person : communicative speaking and listening skills. Student book 1 / Jack C. Richards, David Bycina, Ingrid Wisniewska.
	PE1128 .R302C SB1-2005
536	Person to person : communicative speaking and listening skills. Student book 2 / Jack C. Richards, David Bycina, Ingrid Wisniewska.
	PE1128 .R302C Sb.2-2005
537	Person to person : communicative speaking and listening skills. Student book starter / Jack C. Richards.
	PE1128 .R302C ST-2005
538	Person to person : communicative speaking and listening skills. Teacher's book 1 / Jack C. Richards,... [et al.].
	PE1128 .P206t Tb.1-2006
539	Person to person : communicative speaking and listening skills. Teacher's book 2 / Jack C. Richards, David Bycina, Ingrid Wisniewska.
	PE1128 .P206t Tb.2-2006
540	Person to person : communicative speaking and listening skills. Teacher's book starter / Jack C. Richards, Genevieve Kocienda.
	PE1128 .R302C Tb-2006
541	Person to person : communicative speaking and listening skills. Test booklet 1 / Jack C. Richards,... [et al.].
	PE1128 .P206t Tb.1-2006
542	Person to person : communicative speaking and listening skills. Test booklet 2 / Jack C. Richards,... [et al.].
	PE1128 .P206t Tb.2-2006
543	Person to person : communicative speaking and listening skills. Test booklet starter / Jack C. Richards, Andy London.
	PE1128 .R302C Tb-2006
544	Perspectives on community college ESL series. Volume 1, Pedagogy, programs, curricula, and assessment

	PE1128 .P206-o V.1-2006
545	Perspectives on community college ESL series. Volume 2, Students, mission, and advocacy
	PE1128 .P206-o V.2-2006
546	Phép biến câu= Transformation of sentences / Trương Văn ánh
	PE1375 .TR561A 2004
547	Phương án luyện thi Toefl / Eli Hinkel ; Vũ Thế Khải dịch
	PE1128 .H312E 1994
548	Phương pháp mới nắm nhanh và vững tiếng Anh qua 6 mẫu câu : Kèm theo đáp án. T.1 / Hồ An
	PE1375 .H450A T.1-2002
549	Phương pháp mới nắm nhanh và vững tiếng Anh qua sáu mẫu câu : Kèm theo đáp án . Tập 2 / Hồ An
	PE1385 .H450A T.2-2002
550	Phương pháp viết luận và những bài luận mẫu anh văn / Ninh Hùng biên soạn
	PE1471 .Ph561p 1995
551	Pocket book of English grammar for engineers and scientists / Leo Finkelstein, Jr.
	PE1475 .F312L 2006
552	Pop perspectives : readings to critique contemporary culture / Laura Gray-Rosendale.
	PE1417 .G112L 2008
553	Practical phonetics and phonology : a resource book for students / Beverley Collins and Inger M. Mees.
	PE1135 .C428B 2014
554	Preparation and Practice : Reading and writing - General training module / Vladimir Pejovic, Michael Nicklin, Peggy Read, editors
	PE1128 .P201V 2003
555	Preparation Book for the Toefl Primary. Step 1
	PE1128 .P206b S.1-2015
556	Preparation Book for the Toefl Primary. Step 2
	PE1128 .P206b S.2-2015
557	Prepare for IELTS : Academic practice tests / Penny Cameron, Vanessa Todd
	PE1128 .C104P 2005
558	Proficiency in English Through Life in English - Speaking Countries / William R. Slager, Russel B. Nye.
	PE1128 .S102W 1967
559	Proficiency in English Through Our Changing World / The National Council of Teachers of English
	PE1128 .P427-i 1994
560	Proficiency Masterclass : Student's book / Kathy Gude, Michael Duckworth
	PE1114 .G506K 2002
561	Pronunciation for advanced learners of English / David Brazil.
	PE1137 .B112D 2004
562	Pronunciation for Advanced Learners of English : Teacher's book / David Brazil
	PE1137 .B112D 2003
563	Pronunciation games / Mark Hancock.
	PE1137 .H105M 1995
564	Pronunciation Pairs : An introductory course for students of English / Ann Baker, Sharon Goldstein
	PE1137 .B103A 1990
565	Pronunciation Pairs : Teacher's manual / Ann Baker, Sharon Goldstein

	PE1137 .B103A 2003
566	Pronunciation Plus : Practice through interaction / Martin Hewings, Sharon Goldstein
	PE1137 .H207M 2003
567	Pronunciation Plus : Practice through interaction : student's book / Martin Hewings, Sharon Goldstein
	PE1137 .H207M 2004
568	Pronunciation Practice Activities : A resource book for teaching English pronunciation / Martin Hewings
	PE1137 .H207M 2004
569	Pronunciation Tasks : A course for pre-intermediate learners / Martin Hewings
	PE1137 .H207M 2004
570	Pronunciation Tasks : A course for pre-intermediate learners / Martin Hewings
	PE1137 .H207M 2004
571	Random House Webster's college dictionary.
	PE1628 .R105h 2000
572	Read, reason, write : an argument text and reader / Dorothy U. Seyler.
	PE1408 .S207D 2005
573	Read, reason, write : an argument text and reader / Dorothy U. Seyler.
	PE1408 .S207D 2008
574	Read, reason, write : an argument text and reader / Dorothy U. Seyler.
	PE1408 .S207D 2010
575	Reading / Hanoi university of technology. Faculty of foreign languages.
	PE1128 .F112L 2000
576	Reading / Anna Osborn.
	PE1115 .O-434A 2012
577	Reading / Hanoi university of technology. Faculty of foreign languages.
	PE1128 .R200 2001
578	Reading : For the third term / Hanoi University of Technology. Faculty of Foreign Language
	PE1128 .R200 2001
579	Reading 2nd semester / Hanoi University of technology. Faculty of foreign languages.
	PE1128 .R200s 2001
580	Reading and writing short arguments / [compiled] by William Vesterman.
	PE1431 .R200a 2005
581	Reading for the disciplines : an anthology for college writers / Harvey S. Wiener.
	PE1417 .W302H 1990
582	Reading mastery. Vol.5, Textbook / Siegfried Englmann, ... [et al]
	PE1119 .R200m V.5-1988
583	Reading the world : ideas that matter / [edited by] Michael Austin.
	PE1417 .R200t 2010
584	Reading. B2+ upper intermediate / Naomi Styles.
	PE1128 .S601N 2014
585	Reading. Tập 4 / Simon Greenall, Diana Pye ; Adrian Doff editor
	PE1128 .G201S T.4-1993
586	Real lives, real listening. Intermediate., Student's book / Sheila Thorn.
	PE1128 .T434S 2013
587	Real reading : with answers. 4 / Liz Driscoll.
	PE1128 .D313L 2008
588	Real skills : Sentences and paragraphs for college, work, and everyday life / Susan Anker ; with illustrations by Suzy Becker.

	PE1441 .A107S 2007
589	Reasoning and writing well : a rhetoric, research guide, reader, and handbook / Betty Mattix Dietsch.
	PE1408 .D302B 2006
590	Recycling Advanced English : With key / Clare West; Nguyễn Thành Yên giới thiệu
	PE1128 .W206C 2004
591	Recycling Intermediate English : With key / Clare West; Nguyễn Thành Yên giới thiệu
	PE1128 .W206C 2003
592	Roget's 21st century thesaurus in dictionary form : the essential reference for home, school, or office / edited by the Princeton Language Institute ; Barbara Ann Kipfer, head lexicographer.
	PE1591 .K313B 1999
593	Roget's thesaurus of English words and phrases.
	PE1591 .D111G 2004
594	Rules of Thumb : A Guide for Writers / Jay Silverman, Elaine Hughes, Diana Roberts Wienbroer
	PE1408 .S302J 2002
595	Rules of thumb : A guide for writers / Jay Silverman, Elaine Hughes, Diana Roberts Wienbroer.
	PE1408 .S302J 2008
596	Sách học tiếng Anh / Phùng Hải
	PE1065 .PH513H 1984
597	Sách học tiếng Anh / Phùng Hải
	PE1065 .PH513H 1980
598	Sách học tiếng Anh / Phùng Hải
	PE1408 .PH513H 1984
599	Sách học tiếng Anh = English for beginners. Tập 1 / Phạm Duy Trọng, Nguyễn Đình Minh
	PE1065 .PH104T T.1-1983
600	Sách học tiếng Anh. Tập 1 / Phạm Duy Trọng, Nguyễn Đình Minh.
	PE1111 .PH104T T.1-1979
601	Sách học tiếng Anh. Tập 1 / Vũ Tá Lâm
	PE1408 .V500L T.1-1970
602	Sách học tiếng Anh. Tập 3 / Phạm Duy Trọng, Nguyễn Đình Minh.
	PE1111 .PH104T T.3-1986
603	Sentence skills : a workbook for writers : form A / John Langan.
	PE1441 .L106J 1998
604	Sentence skills : a workbook for writers : form B / John Langan.
	PE1441 .L106J 2004
605	Seven Practice Tests : achieving Higher TOEIC test scores . Volume 1 / Steven A. Stupak
	PE1128 .S521S V.1-1997
606	Seven Practice Tests : Achieving Higher TOEIC test scores . Volume 2 / Steven A. Stupak
	PE1128 .S521S V.2-1997
607	Ship or sheep? : An intermediate pronunciation course / Ann Baker ; with cartoons by Leslie Marshall.
	PE1137 .B103A 2004
608	Ship's correspondence : Thư-điện-kháng nghị Hàng Hải / Nguyễn Tường Luân

	PE1127 .NG527L 1991
609	Short Stories : For creative language classrooms / Joanne Collie, Stephen Slater
	PE1126 .C428J 2003
610	Simon & Schuster quick access reference for writers / Lynn Quitman Troyka.
	PE1408 .T435L 2003
611	Simply IELTS : 6 Practie test : 5 for the IELTS Academic & 1 for the IELTS General : IELTS scores : 4.0-6.0. CEFR Levels B1-B2 / Andrew Betsis, Linda Maria Windsor
	PE1128 .B207A L.B1-B2-2015
612	Skillful listening and speaking. Student's book 2 / David Bohlke, Robyn Brinks Lockwood; Dorothy E. Zemach series consultant
	PE1128 .B427D 2013
613	Skillful listening and speaking. Student's book 3 / Mike Boyle, Ellen Kisslinger; Dorothy E. Zemach series consultant
	PE1128 .B435M 2013
614	Skillful listening and speaking. Teacher's book 2 / Emma Pathare, Gary Pathare; Dorothy E. Zemach series consultant
	PE1128 .P110E 2013
615	Skillful listening and speaking. Teacher's book 3 / Robyn Brinks Lockwood; Dorothy E. Zemach series consultant
	PE1128 .L419R 2013
616	Sổ tay đàm thoại Anh-Mỹ hiện đại / Nguyễn Trùng Khánh biên soạn
	PE1131 .S450t 2001
617	Sổ tay giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông thường / Thanh Tâm
	PE1131 .TH107T 1996
618	Sổ tay người dịch tiếng Anh = A handbook for the English language translate / Hữu Ngọc, N. H. Việt Tiến, Elizabeth Hodgkin
	PE1498 .H566N 1993
619	Sổ tay người dịch tiếng Anh = A handbook for the english language translator / Hữu Ngọc...[và những người khác] biên dịch
	PE1498 .S450t 2001
620	Sổ tay những cách nói-viết ngắn gọn và đơn thư trong giao tiếp Anh-Việt = A Handbook of Laconic Expressions, Applications and Letters in Daily life / Bùi Phụng, Vũ Bá
	PE1131 .B510P 2001
621	Sổ tay tiếng Anh kỹ thuật / Quang Hùng và nhóm cộng tác
	PE1127 .QU106H 2003
622	Sổ tay tiếng Anh kỹ thuật : phiên âm - minh họa = A handbook of engineering English: with key to pronunciation - jllustrations / Biên dịch: Nguyễn Anh Dũng,...[và những người khác]
	PE1127 .S450t 1994
623	Sổ tay tiếng Anh kỹ thuật : Phiên âm-minh họa = A handbook of engineering English / Biên dịch : Nguyễn Anh Dũng, [và những người khác] .
	PE1127 .S450t 1994
624	Sổ tay văn phạm Anh ngữ = The Essential Guide to English Grammar / Collins Gem
	PE1112 .G202C 1999
625	Something to talk about : a reproducible conversation resource for teachers and tutors / Kathleen Olson.
	PE1128 .O-428K 2001
626	Speaking 1 / Cawood Graham
	PE1128 .C112G 1987

627	Speaking Clearly : Pronunciation and listening comprehension for learners of English : Student's book / Pamela Rogerson, Judy B. Gilbert
	PE1137 .R427P 2003
628	Speaking Clearly : Pronunciation and listening comprehension for learners of English : Teacher's book / Pamela Rogerson, Judy B. Gilbert
	PE1137 .R427P 2003
629	Speaking naturally : communication skills in American English / Bruce Tillitt, Mary Newton Bruder.
	PE1128 .T302B 2002
630	Steps to English 1 / Doris Kernan
	PE1128 .K206D 1983
631	Steps to English 2 / Doris Kernan
	PE1128 .K206D 1983
632	Steps to English 3-A / Doris Kernan
	PE1128 .K206D 1985
633	Steps to English 4 / Doris Kernan
	PE1128 .K206D 1983
634	Steps to English 5 / Doris Kernan
	PE1128 .K206D 1983
635	Steps to English 6 / Doris Kernan
	PE1128 .K206D 1983
636	Streamline English : Connections / Bernard Hartley, Peter Viney
	PE1112 .H109B 1991
637	Streamline English: Departures and Connections. Quyền A/ Bernard Hartley, Peter Viney; Dương Thanh Mẫn dịch và chú giải
	PE1112 .H109B Q.1-2003
638	Sức khoẻ và bạn : Tuyển chọn các bài dịch Việt - Anh theo chủ điểm = Health and you / Nguyễn Thành Tâm
	PE1498.2 .NG527T 2004
639	Succeed in IELTS general : 8 reading & writing Tests, 4 listening & speaking Tests for the IELTS general Training module / Andrew Betsis, Linda Maria Windsor
	PE1128 .B207A 2015
640	Succeed in IELTS writing : Ideal for both modules : Academic& General Training / Andrew Betsis, Sean Haughton
	PE1128 .B207A 2015
641	Successful FCE 10 practice Tests : 10 complete practice Tests for the Cambridge English First / Andrew Betsis, Lawrence Mamas
	PE1128 .B207A 2014
642	Supercourse for the TOEFL / Patricia N. Sullivan, Grace Y.Q. Zhong.
	PE1128 .S510P 1990
643	Syntactic structures / Noam Chomsky.
	PE1361 .C429n 2015
644	Tài liệu hướng dẫn luyện thi chứng chỉ quốc gia tiếng Anh môn nói : Trình độ A / Nguyễn Trùng Khánh
	PE1137 .NG527K 2002
645	Tài liệu hướng dẫn luyện thi chứng chỉ quốc gia tiếng Anh môn nói : Trình độ C / Nguyễn Trùng Khánh
	PE1137 .NG527K 2002
646	Tài liệu hướng dẫn luyện thi chứng chỉ quốc gia tiếng Anh môn nói trình độ B : Biên soạn theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Trùng Khánh

	PE1128 .NG527K 2002
647	Tài liệu luyện thi chứng chỉ B tiếng Anh / Trần Văn Thành,... [và những người khác]
	PE1128 .T103I 1995
648	Tài liệu luyện thi chứng chỉ B tiếng Anh / Trần Văn Thành,...[và những người khác]
	PE1128 .T103I 1997
649	Tài liệu luyện thi chứng chỉ B tiếng Anh / Trần Văn Thành,... [và những người khác]
	PE1128 .T103I 1996
650	Tài liệu luyện thi chứng chỉ C tiếng Anh / Nguyễn Trung Tánh, Lê Huy Lâm
	PE1128 .NG527T 1993
651	Tài liệu luyện thi chứng chỉ quốc gia Tiếng Anh Pre-tests : Trình độ A / Nguyễn Sanh Phúc
	PE1128 .NG527P 1997
652	Tài liệu luyện thi chứng chỉ Quốc gia Tiếng Anh Pre-tests : Trình độ B / Nguyễn Sanh Phúc
	PE1128 .NG527P 1997
653	Tài liệu luyện thi IELTS cambridge instant IELTS : Ready-to-use tasks and activities / Guy Brook-Hart; Giới thiệu Lê Huy Lâm
	PE1128 .B433G 2004
654	Tài liệu luyện thi IELTS cambridge practice test for IELTS : Examination papers from the university of cambridge local examinations syndicate. Tập 3 / Giới thiệu: Dũng Tiến
	PE1128 .T103I T.3-2000
655	Tài liệu luyện thi Ielts cambridge practice tests for ielts 1 / Vanessa Jakeman, Clare McDowell; Nguyễn Đăng Sứ chủ giải
	PE1128 .J103V T.1-2003
656	Tài liệu thi Toefl : Nghe = The Heinle & Heinle Toefl test assistant -- Listening / Milada Broukal; Lê Huy Lâm, Trương Hoàng Duy dịch và chủ giải
	PE1128 .B435M 1998
657	Talking out : Skills for active learners/ Trần Hương Giang,...[và những người khác]
	PE1131 .T103-o 2017
658	Targeting listening and speaking : strategies and activities for ESL/EFL students / Keith S. Folse, Darren Bologna.
	PE1128 .F428S 2003
659	Targeting listening and speaking : strategies and activities for ESL/EFL students / Keith S. Folse, Darren Bologna.
	PE1128 .NCU 2003
660	Teaching English : A practical guide for teachers of english as a foreign language / Edwin T. Cornelius
	PE1065 .C434E 199?
661	Teaching English from a global perspective / edited by Anne Burns.
	PE1128 .T200e 2005
662	Technical communication : a reader-centered approach / Paul V. Anderson.
	PE1475 .A105P 2007
663	Technical English : writing, reading, and speaking / Nell Ann Pickett, Ann A. Laster.
	PE1127 .P302N 1996
664	Technical writing : a practical approach / William S. Pfeiffer.
	PE1475 .P201W 1994
665	Technical writing : principles, strategies, and readings / Diana C. Reep.
	PE1475 .R201d 2000

666	Thành ngữ Anh văn trong các tình huống : 400 động từ kép và thành ngữ thường thấy trong các kì thi TOEFL, PET, EST và chứng chỉ A-B-C / Nguyễn Hữu Cảnh biên soạn; Lê Minh Thới hiệu đính
	PE1460 .NG527C 1998
667	Thành ngữ Anh Việt thông dụng = Essential Idioms in English / Anh Thu
	PE1460 .A107T 1996
668	Thành ngữ và tục ngữ Tiếng Anh = The phrase and proverb in English / Vũ Mạnh Tường biên soạn ; Quang Trung hiệu đính
	PE1460 .Th107n 1998
669	Thực hành từ vựng cho bài thi IELTS = Check your vocabulary for english for the IELTS examination : A workbook for students / Rawdon Wyatt; Giới thiệu và chú giải: Lê Huy Lâm
	PE1128 .W600R 2002
670	Thực trạng và giải pháp cho chương trình giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành trong khối kỹ thuật: Mã số: B2007-01-142 / Chủ nhiệm đề tài: Phạm Thanh Dương
	PE1127 .PH104D 2009
671	Tiếng Anh : Lỗi thường gặp, phân tích và giải pháp / Cao Văn Chí, Vương Khánh Vân; Nguyễn Văn Mậu, Nguyễn Đức Siêu dịch
	PE1460 .C108C 1993
672	Tiếng Anh căn bản khoa học kỹ thuật / Quang Hùng chủ biên
	PE1127 .T306a 1995
673	Tiếng Anh cho kỹ thuật đóng tàu = English for shipbuilding / Đỗ Thái Bình chủ biên
	PE1127 .T306a 2019
674	Tiếng Anh cho sinh viên hàng hải và sỹ quan tàu biển. Tập 1 / Nguyễn Tường Luân
	PE1127 .NG527L 1992
675	Tiếng Anh cho sinh viên Hàng hải và sỹ quan tàu biển. Tập 2 / Nguyễn Tường Luân
	PE1127 .NG527L 1995
676	Tiếng Anh cho sinh viên và sỹ quan máy tàu thủy / Nguyễn Tường Luân
	PE1127 .NG527L 1991
677	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học = The Language of biotechnology in English : Song ngữ anh - Việt/ Nguyễn Thị Hiền (Chủ biên);...[và những người khác]
	PE1127 .T306a 2016
678	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học = The Language of biotechnology in English : Song ngữ Anh - Việt/ Nguyễn Thị Hiền chủ biên;...[và những người khác]
	PE1127 .T306a 2019
679	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin : English for it & computer users: Student's Book. With answer key / Thạc Bình Cường chủ biên; Hồ Xuân Ngọc.
	PE1127 .T306a 2005
680	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin : Student's Book. With answer key / Thạc Bình Cường, Hồ Xuân Ngọc; Thạc Bình Cường chủ biên
	PE1127 .T306a 2007
681	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thực phẩm = The language of techno-food processing in english : Song ngữ Anh- Việt / Nguyễn Thị Hiền chủ biên;...[và những người khác]
	PE1127 .T306a 2019
682	Tiếng Anh chuyên ngành vi tính = English for Computer Science / VN-Guide giới thiệu ; Hiệu đính: Lê Phụng Long, Đỗ Lệ Hằng
	PE1127 .T306a 1999
683	Tiếng Anh cơ bản / Trần Thị Nga
	PE1127 .TR121N 2005

684	Tiếng Anh dành cho học sinh và sinh viên kỹ thuật = English for technical student / Nguyễn Thị Tuyết
	PE1127 .NG527T 1995
685	Tiếng Anh dành cho học sinh và sinh viên kỹ thuật = English for Technical Student / Nguyễn Thị Tuyết
	PE1127 .NG527T 2000
686	Tiếng Anh dành cho nhân viên kế toán / Michael R. Sneyd; Mỹ Hạnh dịch
	PE1127 .S207M 2003
687	Tiếng Anh dành cho nhân viên Marketing / Maggie-Jo ST John; Nguyễn Thành Đạt dịch
	PE1127 .J427M 2003
688	Tiếng Anh dành cho sinh viên ngành Hoá dầu = English for students of Petrochemical : Bài giảng cho sinh viên / Phạm Thanh Huyền
	PE1127 .PH104H 2005
689	Tiếng anh dùng trong lĩnh vực công nghiệp xe hơi = English for automobile industry/ Hoàng Nguyên
	PE1127 .H407H 2013
690	Tiếng anh dùng trong lĩnh vực thuyết trình = English for presentations/ Hoàng Nguyên
	PE1127 .H407H 2014
691	Tiếng anh dùng trong ngành công nghiệp năng lượng = English for energy industry/ Hoàng Nguyên
	PE1127 .H407H 2013
692	Tiếng anh dùng trong ngành công nghiệp thời trang = English for the fashion industry/ Nguyễn Hoàng...[và những người khác]
	PE1127 .T306a 2015
693	Tiếng Anh kinh tế thương mại tổng hợp / Nguyễn Trùng Khánh
	PE1127 .NG527K 2000
694	Tiếng Anh kỹ thuật. Tập 1, Khoa học cơ bản / Hoàng Bá Chư, Nguyễn Công Hân, Trương Ngọc Tuấn biên soạn.
	PE1127 .T306a T.1-2006
695	Tiếng Anh lỗi thường gặp phân tích và giải đáp / Cao Văn Chí, Vương Khánh Vân; Nguyễn Văn Mậu, Nguyễn Quốc Siêu dịch
	PE1460 .C108C 1995
696	Tiếng Anh sinh học = English in biology / Kiều Hữu Ảnh
	PE1460 .K309A 2001
697	Tiếng Anh thực dụng dễ học - cho người bắt đầu học : Toàn tập, kèm theo băng Cassette / Nguyễn Thuần Hậu
	PE1449 .NG527H 1996
698	Tiếng Anh trong khoa học cơ bản : Điện công nghiệp và điện tử, cơ khí, chế tạo máy = English used in basic science : Electricity and electronic mechanics and machine design / Quang Hùng, Nguyễn Thị Tuyết
	PE1127 .QU106H 1999
699	TOEFL CBT / Marilyn J. Rymniak, Janet A. Shanks & the staff of Kaplan Educational Centers; Nguyễn Văn Phước, Ban biên dịch First News chủ giải
	PE1128 .R607M 2001
700	TOEFL CBT Success / Bruce Rogers; Nguyễn Văn Phước chủ giải
	PE1128 .R427B 2001
701	TOEFL Grammar Flash : The quick way to Build Grammar Power / Broukal Milada ; Nguyễn Văn Phước chủ giải
	PE1128 .M315B 2002

702	Toepl iBT insider : listening / LinguaForum.
	PE1128 .T421-i 2006
703	Toepl iBTtest book. Vol.1 / LinguaForum.
	PE1128 .T421-i V.1-2006
704	Toepl Junior : 10 Practice Tests / New Oriental Educaction, Technology Group
	PE1128 .T421j 2015
705	Toepl Junior language Form and Meaning / New Oriental Educaction, Technology Group
	PE1128 .T421j 2015
706	Toepl Junior Listening / New Oriental Educaction, Technology Group
	PE1128 .T421j 2015
707	Toepl Junior Reading / New Oriental Educaction, Technology Group
	PE1128 .T421j 2015
708	Toepl Junior vocabulary Practice / New Oriental Educaction, Technology Group
	PE1128 .T421j 2015
709	TOEFL preparation guide : Test of english as a foreign language / by Michael A. Pyle, Jerry Bobrow, Mary Ellen Munoz Page ; Nguyễn Ngọc Trung biên dịch và chú giải
	PE1128 .P601M 2003
710	TOEFL preparation guide : Test of english as a foreign language / by Michael A. Pyle, Jerry Bobrow, Mary Ellen Munoz Page; Tổng hợp và biên dịch: Lê Hiền Thảo, Nguyễn Văn Phước; Ban biên dịch First News
	PE1128 .P601M 2001
711	Toepl Primary : Audio scripts & Ansewer Key. Step 2. Book 3
	PE1128 .T421p S.2-B.3-2014
712	Toepl Primary : Audio scripts & Answer Key. Step 2. Book 2
	PE1128 .T421p S.2-B.2-2014
713	Toepl Primary : Tài liệu có kèm theo bản Audio scripts & Answer Key. Step 1. Book 3
	PE1128 .T421p S.1-B.3-2014
714	Toepl Primary. Step 1. Book 1
	PE1128 .T421p S.1-B.1-2014
715	Toepl Primary. Step 1. Book 1
	PE1128 .T421p S.1-B.1-2014
716	Toepl Primary. Step 1. Book 2
	PE1128 .T421p S.1-B.2-2014
717	Toepl Primary. Step 1. Book 2
	PE1128 .T421p S.1-B.2-2014
718	Toepl Primary. Step 1. Book 3
	PE1128 .T421p S.1-B.3-2014
719	Toepl Primary. Step 2. Book 1
	PE1128 .T421p S.2-B.1-2014
720	Toepl Primary. Step 2. Book 1
	PE1128 .T421p S.2-B.1-2014
721	Toepl Primary. Step 2. Book 2
	PE1128 .T421p S.2-B.2-2014
722	Toepl Primary. Step 2. Book 3
	PE1128 .T421p S.2-B.3-2014
723	TOEFL success / Bruce Rogers ;Nguyễn Thành Tâm giới thiệu sách
	PE1128 .R427B 2004

724	Toefl Super Course / Grace Yi Qiu Zhong, Patricia Noble Sullivan; Thoại Uyên, Lê Ngọc Phương Anh biên dịch và chú giải
	PE1128 .Z431G 1998
725	TOEFL word flash / Peterson's; Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Nguyễn Lưu Bảo Đoan chú giải
	PE1128 .P207 2001
726	Từ điển các lỗi thường gặp trong tiếng Anh = Dictionary of Common Errors in English / Việt Anh
	PE1464 .V308A 2002
727	Từ điển cụm động từ = Dictionary of Phrasal Verbs / Collins Cobuild; Nguyễn Đăng Sửu chú giải
	PE1271 .C412C 2003
728	Từ điển ngữ pháp tiếng anh hiện đại : Có phần phát âm tất cả ví dụ do người bản ngữ đọc = Dictionary of modern english grammar : Spoken and written english grammar and usage/ Trường Thi biên soạn
	PE1097 .T550đ. 2012
729	Từ điển thành ngữ tiếng Anh / Vĩnh Bá
	PE1464 .V312B 1999
730	Từ điển văn phạm tiếng Anh / Sylvia Chalker, Edmund Weiner; Võ Trọng Thủy, Võ Thị Hồng Vân dịch
	PE1097 .C103S 2000
731	Từ đúng - từ sai : Các từ và cấu trúc tiếng Anh thường nhầm lẫn khi sử dụng = Right word - wrong word / L. G. Alexander; Nhóm dịch giả ĐHSP Ngoại ngữ Hà Nội dịch ; Nguyễn Văn Phước, Lê Ngọc Phương Anh Hiệu đính
	PE1460 .A103L 1995
732	Tự học đàm thoại tiếng Anh cấp tốc: Tiếng Anh trong giao tiếp hàng ngày= Instant self-study English-daily conversation / Quỳnh Như chủ biên; Thu Huyền, Mỹ Hương hiệu đính
	PE1131 .T550h 2012
733	Tự học tiếng Anh. T.1 / Trần Sĩ Lang, Hoàng Lê Chính
	PE1130 .TR121L 2005
734	Tự học tiếng Anh. T.2 / Trần Sĩ Lang, Hoàng Lê Chính
	PE1130 .TR121L 1995
735	Từ nối tiếng Anh = Linking Words / Collins Cobuild ; Lê Tấn Thi dịch và chú giải
	PE1345 .C412C 1999
736	Từ vựng tiếng Anh thực hành : 100 chủ đề từ vựng quan trọng=Vocabulary in Use / Michael McCarthy, Felicity O'Dell, Ellen Shaw ; Ban biên dịch First News chú giải
	PE1449 .M109M 1999
737	Tuyển chọn 40 bài trắc nghiệm động từ và các thì trong tiếng Anh / Kenna Bourke; Xuân Thảo biên dịch và chú giải
	PE1271 .B435K 2003
738	Tuyển chọn các bộ đề tiếng Anh : Ôn thi tú tài và Đại học / Nguyễn Anh Dũng, Lý Thanh Trúc
	PE1114 .NG527D 1999
739	Tuyển tập 240 bài luận mẫu tiếng Anh / Biên soạn: Ngọc Thoa, Minh Hòa
	PE1471 .T527t 1997
740	Tuyển tập 326 bài luận mới sơ cấp, trung cấp và nâng cao = 326 Selected Essays and Writings for all Purposes, Topics & Levels / S. Srinivasan; Ban biên dịch First News
	PE1417 .S312S 2003

741	Tuyển tập các bài luận sơ cấp, trung cấp và nâng cao = 326 selected essays & writing for all purposes topics and levels / S. Srinivasan
	PE1471 .S312S 1995
742	Tuyển tập các bài thi trắc nghiệm tiếng Anh : Các bài thi IELTS TOEFL và PRESET mới nhất. Tập 3 / Phạm Đăng Bình, Lê Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị Bảo Tâm.
	PE1128 .PH104B T.3-1998
743	Tuyển tập các bài thi trắc nghiệm tiếng Anh. Tập 1 / Phạm Đăng Bình
	PE1128 .PH104B T.1-1998
744	Tuyển tập các bài thi trắc nghiệm tiếng Anh. Tập 2 / Phạm Đăng Bình
	PE1128 .PH104B T.2-1996
745	Tuyển tập các thư tín cá nhân hiệu quả nhất = Complete Book of Effective Personal Letters / Robert, Elaine Tietz; Nguyễn Văn Phước, Trần Hưng Việt dịch
	PE1483 .R412 1996
746	Tuyển tập những bài luận mẫu : Anh văn thực hành / Bùi Quang Đông
	PE1471 .B510Đ 1998
747	Tuyển tập những bài luận Tiếng Anh / Trần Công Hoàn, Lê Trần Doanh Trang dịch
	PE1471 .TR121D 1997
748	Tuyển tập thư tín thương mại Tiếng Anh = Complete of modern bussiness letters / L. Gartsside, S. Taylor; Đỗ Thị Bạch Yến, Ban Biên dịch First News dịch và chú giải
	PE1127 .G109L 2001
749	Understanding and Using English Grammar / Betty Schramper Azar
	PE1112 .A112B 2000
750	Understanding and Using English Grammar / Betty Schramper Azar; Nguyễn Văn Phước chú giải; First New biên dịch
	PE1112 .A112B 2001
751	Unlock : listening & speaking skills. Volume 4 / Lewis Lansford.
	PE1128 .L107L V.4-2014
752	Unlock : reading & writing skills. Volume 3 / Carolyn Westbrook.
	PE1128 .W206C V.3-2014
753	Unlock : reading & writing skills. volume 3 / Carolyn Westbrook.
	PE1128 .W206C V.3-2014
754	Unlock : reading & writing skills. Volume 4 / Chris Sowton.
	PE1128 .S435C V.4-2014
755	Unlock : reading and writing skills. 4, Teacher's book with DVD / by Johanna Stirling.
	PE1128 .S313J V.4-2014
756	Unlock : listening & speaking skills. 3 : FOR INSTRUCTOR USE ONLY / Matt Firth.
	PE1128 .U513 2014
757	Unlock : listening & speaking skills. Student's book with online workbook / Lansford, Lewis.
	PE1128 .L107L 2014
758	Unlock : listening & speaking skills : Teacher's book / Jeremy Day
	PE1128 .D112J T.4 2014
759	Unlock : listening and speaking skills / N.M. White, Stephanie Diamond-Bayir, and Sabina Ostrowska.
	PE1128 .W314N 2014
760	Unlock : reading and writing skills / Sabina Ostrowska, Richard O'Neill, and Chris Sowton.
	PE1408 .S435C T.4 2014

761	Unlock 3 Listening and Speaking Skills : Student's Book with unlock online Workbook / Sabina Ostrowska
	PE1128 .O-434S 2014
762	Văn phạm Anh ngữ thực hành = A practical English grammar / A.J. Thomson, A. V. Martinet; Ninh Hùng dịch
	PE1128 .T429A 1993
763	Văn phạm Anh ngữ thực hành = A Practical English Grammar with exercises 1 and 2 / A. J. Thomson, A. V Martinet ; Nguyễn Thị Tuyết biên dịch
	PE1114 .T429A 2002
764	Văn phạm Anh ngữ toàn thư = A Comprehensive English Grammar / C. E. Eckersley, J. M. Eckersley; Hoàng Xuân Minh, Trần Sĩ lang, Nguyễn Văn Nhựt dịch
	PE1112 .E201c 2000
765	Văn phạm Anh ngữ vui học : Trình độ trung cấp / Phạm Tấn Quyền biên dịch
	PE1114 .V115p 2003
766	Văn Phạm Anh Văn = English Grammar / L. G. Alexander; Đào Đăng Phong, Trần Văn Huân, Phạm Hoài Thanh dịch
	PE1112 .A103L 1994
767	Văn phạm Anh văn thực hành= Practical English Grammar / Nguyễn Phúc Sanh
	PE1112 .NG527S 1997
768	Văn phạm new concept= English grammar new concept / Tạ Tất Thắng
	PE1112 .T100T 1994
769	Văn phạm tiếng Anh : streamline và headway / Nguyễn Văn Quý biên soạn
	PE1112 .V115p 1996
770	Văn phạm tiếng Anh thực hành / Nguyễn Xuân Khánh, Đỗ Quang Vĩnh
	PE1112 .NG527K 1998
771	Văn phạm tiếng Anh thực hành = Practical english grammar course / Trần Văn Điền
	PE1112 .TR121Đ 1994
772	Văn phạm tiếng Anh: Soạn theo giáo trình streamline và headway Departures - Elementary Answer key / Nguyễn Văn Quý biên soạn
	PE1112 .V115p 2004
773	Viết đúng Tiếng Anh = Correct your english / Trần Văn Điền
	PE1128 .TR121Đ 1993
774	Vocabulary connections. Book 2, Word parts / Marianne C Reynolds
	PE1449 .R207M b.2-1998
775	Vocabulary files b1 - students book : english usage- intermediate / Andrew Betsis
	PE1449 .B207A 2011
776	Vocabulary in Practice : 40 units of self study vocabulary exercises : With tests/. Tập 3 / Glennes Pye
	PE1449 .P601G T.3-2003
777	Vocabulary in Practice : 40 units of self study vocabulary exercises with tests / Glennes Pye
	PE1449 .P601G 2003
778	Vocabulary in Use : Intermediate / Stuart Redman, Ellen Shaw
	PE1449 .R201S 2003
779	Vocabulary in use : intermediate : with answers / Stuart Redman, with Ellen Shaw.
	PE1449 .R201S 1999
780	Vocabulary in use : upper intermediate : with answers / Michael McCarthy, Felicity O'Dell, with Ellen Shaw.
	PE1449 .M109M 1997
781	Webster's School dictionary.

	PE1628.5 .W200s 1980
782	What about You?. Vol.1 / Kenneth Biegel
	PE1131 .B302K V.1-2003
783	Windows of the mind / Frank Brennan.
	PE1126 .B204F 2001
784	Work on your grammar. Advanced (C1).
	PE1112 .W434-o 2013
785	Work on your vocabulary : advanced : C1.
	PE1112 .W434-o 2013
786	Write to be Read : Reading, reflection and writing / William R. Smalzer
	PE1128 .S103W 1998
787	Write to Be Read : Reading, reflection and writing / William R. Smalzer
	PE1128 .S103W 2002